

UPĀSAKA VATA

(BỒN PHẬN CỦA CƯ SĨ)

(Những điều Luật tạng cư sĩ cần biết để hộ trì
Chư Tỳ-khưu một cách đúng đắn và lợi ích)



Biên tập

TRƯỞNG LÃO GALPOTUGODA ÑĀṆAVAMSA
(Sri Lanka)

Upāsaka Vatta

(Bốn phận của cư sĩ)

(Những điều Luật tạng cư sĩ cần biết để hộ trì
Chư Tỳ-khưu một cách đúng đắn và lợi ích)

2025 / 2568

Biên tập

Trưởng lão Galpotugoda Ñāṇavamsa

Upāsaka Vatta

(Những điều Luật tạng cư sĩ cần biết để hộ trì Chư Tỳ-khưu một cách đúng đắn và lợi ích)

Biên tập: Trưởng lão Gal Pogoda Ñāṇavaṃsa

Ấn bản thứ nhất năm 2025

ISBN-978-624-6357-13-9

Liên hệ: Ông Amila Priyankara 0701705165

ධර්ම දානය පිණිස ටී (Vì sự bố thí Pháp)

Xuất bản - **Theravāda Publications Society Limited**

Saddhātissārāma Mahāvihāraya,
Madagammana Mawatha,
Katukeliyawa, Anuradhapura,
Sri Lanka, 5006.

theravadapublications@gmail.com

Mục Lục

Lời tựa	IV
Hồi hướng công đức.....	X
Tài liệu tham khảo	XII
1. Những điều cần biết liên quan đến thực phẩm.....	1
1.1 Thọ nhận thực phẩm	1
1.2 Phân tích thời hạn.....	8
1.3 Sannidhikāraṇa (người cất giữ, tích trữ thực phẩm còn lại)	10
1.4 Tám loại nước thuốc (Aṭṭhapāna Gilān-pasa)	11
1.5 Những loại trái cây không thích hợp làm nước uống buổi chiều ..	12
1.6 Các loại nước uống nóng	12
1.7 Catu-madhu (Bốn vị ngọt).....	13
1.8 Thọ thực sau giờ Ngọ.....	13
1.9 Bình minh và giờ Ngọ	14
1.10 Từ chối thực phẩm (Āhāra Pavāraṇa)	15
1.11 Làm cho thực phẩm trở thành hợp lệ (Kappiyaṃ)	17
1.12 Thịt được phép và không được phép thọ dụng	19
1.13 Nấu nướng (thực phẩm)	19
2. Những điều cần biết liên quan đến tiền	20
2.1 Những điều cần làm khi cúng dường tịnh tài (tiền).....	20
2.2 Mua sắm vật dụng cần thiết thông qua người hộ tăng/thị giả (kappiya-kāraṇa)	21
2.3 Cúng dường tiền cho mục đích chung	21
2.4 Xử lý trường hợp tịnh tài bị bỏ quên.....	22
2.5 Trao đổi các vật phẩm không hợp Giới luật	22
2.6 Trao đổi các vật hợp Giới luật.....	23

2.7 Vàng, bạc, ngọc trai và châu báu	24
2.8 Các vật không được đụng chạm đến (anāmāsa vatthu).....	24
3. Những điều cần biết liên quan đến y phục.....	26
3.1 Màu sắc của y.....	27
3.2 Kích cỡ của y	27
3.3 Việc phân mảnh và cắt may y	29
4. Những điều cần biết liên quan đến bình bát khát thực.....	31
4.1 Kích cỡ của bình bát khát thực.....	31
5. Những điều cần biết liên quan đến giày dép.....	32
6. Những điều cần biết liên quan đến ô (dù)	33
7. Những điều liên quan đến việc nằm nghỉ (nghỉ ngơi hoặc ngủ).....	34
7.1 Nằm trong nhà có người nam cư trú.....	34
7.2 Nằm trong nhà có người nữ cư trú.....	35
7.3 Nằm nghỉ ban ngày	36
7.4 Dâng chỗ ngồi, chỗ nằm cho chư Tỳ-khưu.....	37
8. Những điều cư sĩ cần biết khi đến gần chư Tỳ-khưu.....	37
8.1 Ở riêng với người nữ	37
8.2 Người nữ chạm vào thân một vị Tỳ-khưu.....	38
8.3 Sắp xếp việc đi lại chung với người nữ.....	38
8.4 Phép tắc ứng xử của cư sĩ tại nơi lưu trú của chư Tăng.....	39
9. Những điều cần biết liên quan đến đào đất và chặt cây.....	40
9.1 Đào đất	40
9.2 Chặt cây	41
10. Những điểm quan trọng liên quan đến thuốc	42
10.1 Việc thỉnh cầu	42

11. Những điều cần biết về các vật dụng thuộc sở hữu Tăng đoàn (Saṅgha)	43
11.1 Vật dụng trọng yếu (Garu Bhaṇḍa)	44
11.2 Vật dụng không trọng yếu (Lahu Bhaṇḍa)	44
11.3 Việc sử dụng tài sản Tăng đoàn (Saṅghika).....	45
11.4 Vật dụng cá nhân của một vị Tỳ-khưu đã viên tịch	45
12. Những điểm trọng yếu về thỉnh mời an cư kiết hạ và lễ dâng y Kaṭhina.....	46
12.1 Thỉnh mời nhập hạ (Vassa Ārādhana)	46
12.2 Bốn phận sau khi Thỉnh mời chư tăng An cư nhập hạ (Vassa Ārādhana)	47
12.3 Lễ dâng y Kaṭhina (Kaṭhina Cīvara Pūjā)	47
13. Nghi thức đánh lễ (vandanā) - Những điểm cần biết	48
13.1 Những trường hợp không nên đánh lễ.....	49
14. Những điểm quan trọng khi nghe Pháp	49
14.1 Thuyết Pháp cho người nữ.....	49
14.2 Nghe Pháp với sự cung kính.....	50
15. Những điều cần biết về việc cúng dường (dāna).....	52
15.1 Tám vật dụng thiết yếu được Đức Phật cho phép Tỳ-khưu thọ dụng (Aṭṭha-parikkhāra)	52
16. Hình phạt do Đức Phật chế định cho hàng cư sĩ phi chánh hạnh ..	53

Lời tựa

Ciraṃ tiṭṭhatu lokasmiṃ sammā sambuddhasāsanam!

*Nguyện cho Giáo pháp của Đức Phật Chánh Đẳng Giác
được trường tồn lâu dài trên thế gian!*

Một bậc Chánh Đẳng Giác chỉ xuất hiện ở thế gian sau khi đã viên mãn các Ba-la-mật trong một thời gian vô cùng dài lâu: một trăm ngàn đại kiếp cùng mười sáu a-tăng-kỳ kiếp, hoặc một trăm ngàn đại kiếp cùng tám a-tăng-kỳ kiếp, hay một trăm ngàn đại kiếp cùng bốn a-tăng-kỳ kiếp, v.v. Sau một thời gian dài không thể nghĩ bàn như vậy, Pháp siêu thế (Lokuttara-dhamma) mà Đức Phật ban bố cho thế gian này mới được an trú, vì lợi ích và an lạc của tất cả chúng sinh, dẫn dắt họ đến con đường giải thoát.

Nhận thấy đây là một việc làm xứng đáng và cần thiết, tôi đã soạn lời tựa cho tác phẩm hiện tại mang tựa đề “**Upāsaka Vatta**”. Tác phẩm này có giá trị tối thượng không chỉ đối với những người con của Đức Phật - hàng xuất gia đang sống và hành trì nương theo Giáo pháp của Ngài - mà còn với các hàng đệ tử tại gia, cả nam lẫn nữ. Bởi lẽ, sự trường tồn lâu dài của Giáo pháp Như Lai (Tathāgata) được đặt nền tảng nơi tứ chúng (catuparisa).

Để sự hành trì Giáo pháp không bị suy giảm do hành vi của tứ chúng, Đức Thế Tôn - bậc Hộ Thế - đã thiết lập các điều giới, gắn kết chúng như một sợi dây bảo hộ. Chính những giới luật ấy tạo nên sinh mệnh của Giáo pháp Đức Phật.

Tác phẩm “**Upāsaka Vatta**” được biên soạn dành cho những ai đang tu tập, nuôi dưỡng các đức hạnh của Giáo pháp, cũng như cho hàng cư sĩ nam nữ thuần thành. Nội dung được trình bày một cách thích đáng, y cứ trên nền tảng các bộ Chú giải và Phụ chú giải, với ước nguyện làm cho ánh sáng Chánh pháp được rạng ngời suốt năm ngàn năm. Tác phẩm đặc

biệt thích hợp trong việc uốn nắn oai nghi, giới hạnh, góp phần phục hồi những chuẩn mực đạo đức đang dần mai một trong thời nay.

Khoảng 2.600 năm đã trôi qua kể từ khi Đức Phật (Tathāgata) nhập Đại Niết Bàn (Parinibbāna), nhưng Giáo pháp của Ngài vẫn còn tỏa sáng đến hôm nay. Tất cả hoàn toàn nhờ vào các vị Tỳ-khưu có giới hạnh nghiêm minh và tôn trọng, tha thiết với Giới luật.

Trong dòng truyền thừa của những bậc xuất gia cao quý như thế, nỗ lực nhằm soi sáng đời sống xuất ly của chính mình - tự thắp sáng bản thân, đồng thời giúp tứ chúng cùng tỏa sáng, qua đó làm rạng ngời Giáo pháp của Đức Phật - thật là công hạnh đáng tán thán.

Nguyện cho công đức này trở thành duyên lành đưa đến chứng ngộ Niết Bàn (Nibbāna) cho Ngài Galpotugoda Ñāṇavamsa - bậc đã nghiên cứu Pháp (Dhamma) trong nhiều năm tại Myanmar và không ngừng trau dồi trí tuệ.

Tôi cũng gửi những lời chúc phúc chân thành với tâm từ ái đến tất cả những ai đã trợ duyên để đưa công trình này đến thành tựu viên mãn.

Kính cẩn,



Pahalavitiya Janānanda Mahā Sthavira

Phó lãnh đạo Danh dự của Sri Lanka Rāmañña Mahā Nikāya

Sāsana Kīrti Sī Paṭipatti Sobhana - Bậc trang nghiêm trong hạnh thực hành, làm rạng danh Giáo pháp.

Giới sư Trưởng và Cố vấn Tâm linh chính của Sī Kalyāṇī Yogāsrama Sansthā

Dẫn nhập

Giới luật **Upasampadā**¹ (thọ Cụ túc Giới) hiện hữu trong Giáo pháp của Đức Phật là một bảo vật vô cùng trân quý và hiếm có. Giá trị của nó không thể đo lường nhờ khả năng mang lại cho những bậc thiện nam an trú trong đó mọi hình thức phồn vinh thế gian và siêu thế gian. Vì vậy, những vị đại vương sở hữu tài sản rộng lớn như cõi trời, các hoàng tử thừa hưởng vương quyền, những phú thương vô cùng giàu có và cả con trai của họ, tất cả đều từ bỏ của cải vương giả và thương nghiệp để xuất gia.

Upasampadā là tối thượng trong tất cả hình thức Giới luật. Vì vậy, nó còn được gọi là “Thượng Giới” (Adhisīla). Do người hộ trì giới này được giải thoát khỏi những khổ đau của các cảnh giới bất hạnh và khỏi những nỗi sợ hãi như sự tự trách, nên nó còn được gọi là “**Giới phòng hộ Pātimokkha**” (Pātimokkha Saṃvara Sīla - Biệt biệt Giải thoát Thu thúc giới). Để thọ hưởng trọn vẹn lợi ích của giới này mà không bị suy giảm, cần phải gìn giữ để giới không bị hoại diệt, không phát sinh phạm giới và không bị tổn hại. Muốn hộ trì vững chắc, hành giả cần phải hiểu rõ các yếu tố cấu thành của giới ấy.

Giáo pháp vượt ngoài thời gian được trình bày ở trên chính là con đường độc nhất giúp tứ chúng (catuparisā) gồm Tỳ-khưu (Bhikkhu), Tu nữ (Bhikkhunī), cư sĩ nam (upāsaka) và cư sĩ nữ (upāsikā) chứng ngộ Niết-bàn. Trong đó bao gồm cả Giới luật của người xuất gia lẫn giới luật của hàng tại gia. Điều vô cùng quan trọng đối với người Phật tử là hiểu rõ những gì nên làm và không nên làm (hành xử đúng đắn và có sự phòng hộ) khi Chư Tăng giao tiếp với hàng cư sĩ, cũng như khi cư sĩ giao tiếp với Chư Tăng. Sự hiểu biết này không chỉ hỗ trợ cho hành trình đến Niết-bàn của những vị gìn giữ giới Upasampadā (Cụ túc Giới), tức Giới luật cao

¹ ND: Cụ Túc giới là hệ thống giới luật cao nhất và hoàn chỉnh dành cho Tỳ-khưu (227 giới) và Tỳ-khưu-ni (311 giới) trong Phật giáo, dùng để chính thức công nhận một người là thành viên Tăng đoàn. Đây là nghi thức thọ giới quan trọng bậc nhất, đánh dấu sự trưởng thành trong đời sống tu tập

hơn, mà còn là một trợ duyên cao quý giúp đẩy nhanh tiến trình giải thoát ấy.

Giải thoát qua Niết-bàn chỉ có thể đạt được bằng cách tu tập, tích lũy các thiện nghiệp, chứ không phải bằng việc thực hiện các hành động bất thiện. Thế nhưng, dưới áp lực của đời sống xã hội bận rộn ngày nay, nhiều cư sĩ và thậm chí một số vị xuất gia lại ít quan tâm đến các phép tắc Giới luật và oai nghi chánh hạnh trong Giáo pháp. Quan điểm của họ là mọi thứ đều thay đổi theo thời gian. Tuy nhiên, điều họ chưa hiểu là Giáo pháp của Đức Phật và Chánh pháp do Ngài tuyên thuyết luôn có giá trị trong mọi thời đại và Giới luật (Vinaya) chính là thọ mạng của Giáo pháp.

Trong thời đại ngày nay, số người nghiêm trì Giới luật (Vinaya) không còn nhiều. Biết trước rằng hoàn cảnh như vậy sẽ xảy ra, Đức Thế Tôn đã thiết lập những điều học về Giới luật có giá trị cho mọi thời đại. Chánh pháp do Ngài tuyên thuyết ban đầu được truyền khẩu, rồi về sau mới được ghi chép lại, hoàn toàn không bị sửa đổi hay sai lệch. Điều này có thể thực hiện một cách trong sáng và chính xác, vì Giáo pháp khi ấy đã được các bậc A-la-hán gìn giữ và truyền thừa qua nhiều thế hệ. Tuy nhiên, ngày nay, xuất hiện một số vị làm sai lệch Chánh pháp thanh tịnh ấy. Những ai thực sự tôn trọng và gìn giữ, hộ trì Giới luật đều hiểu rằng các điều học vẫn có thể được thực hành trong thời đại này giống như thuở xưa, mà không hề quá khó khăn.

Những thiếu sót của chúng ta bắt nguồn từ việc tích lũy các hành động bất thiện do không hiểu biết sự việc một cách đúng đắn. Chính vì sự thiếu hiểu biết ấy mà ngay cả Chư Tăng cũng phải đối diện với nhiều khó khăn khác nhau. Trong bối cảnh như vậy, tôi tin tưởng rằng cuốn sách này sẽ là một trợ duyên lớn, giúp hàng cư sĩ có được sự hiểu biết vững vàng về những nguyên tắc Giới luật (Vinaya) mà họ cần biết, và có thể thực hành chúng một cách giản dị, thiết thực.

Tác phẩm này được biên soạn bằng lối trình bày giản dị nhất có thể, giúp mọi người đều có thể dễ dàng hiểu được. Một vài hình minh họa

cũng được đưa vào chỉ với mục đích làm rõ nội dung và tôi tin rằng điều này mang lại sự thuận tiện cho tất cả độc giả.

Hơn nữa, những vấn đề được trình bày trong sách đều được trích dẫn từ Luật tạng (Vinaya Piṭaka). Nguyên văn Pāli không được đưa vào để tránh làm cuốn sách trở nên quá đồ sộ. Tuy nhiên, ngay cả khi không kèm trích dẫn Pāli, các phần giải thích vẫn bám sát ý nghĩa nguyên bản và được truyền tải theo cách đơn giản nhất có thể, giúp người đọc dễ hiểu. Nếu độc giả băn khoăn về các vấn đề liên quan đến nội dung đề cập trong sách, các nghi ngờ ấy hoàn toàn có thể được giải đáp bằng cách tra cứu Tam tạng (Tipiṭaka). Các nguồn trích dẫn đã được ghi chú ngắn gọn theo từng chủ đề tương ứng.

Nguyện cho công đức này trở thành duyên lành giúp các thiện nam M. G. Amila Priyankara và Janaka Ranga - những người đã thỉnh cầu tôi đảm nhận việc biên tập cuốn sách này - vượt thoát khỏi vòng sinh tử luân hồi (Saṃsāra) và chứng đạt sự an tịnh thù thắng Niết-bàn.

Nguyện cho công đức này cũng trở thành duyên trợ lực đưa đến Niết-bàn với Trưởng lão Baddegama Vajirananda, Trưởng lão Mahawa Ñāṇāloka, Trưởng lão Kaduwela Atulañāṇa, Trưởng lão Pūjāpitiye Sūriyaratana, Trưởng lão Katuwana Dhammasāra, cùng tất cả Chư Tỷ-khuru khả kính khác đã trợ giúp trong việc hiệu đính và góp phần vào quá trình chuẩn bị ấn hành tác phẩm này.

Nguyện cho công đức này cũng trở thành duyên trợ lực đưa đến Niết-bàn cho thiện nữ K. Y. Dilekhā Sachinī Madhumālī, người đã thực hiện các hình minh họa cho quyển sách này, cùng Trưởng lão người Mỹ Adhicitta Thero và bà Illika, những người đã trợ giúp dịch quyển sách này sang tiếng Anh.

Tôi cũng xin hồi hướng và tùy hỷ công đức này đến tất cả các thiện nam tín nữ tại gia, bao gồm cả thân mẫu của tôi, những vị đã trợ giúp thêm trong việc hiệu đính và các công việc liên quan, đến tất cả những vị

đã hỗ trợ chi phí in ấn và đến chủ cơ sở in ấn cùng toàn thể nhân viên. Nguyên cho tất cả đều hoan hỷ trong công đức này. Nguyên cho thiện nghiệp này trở thành duyên lành hỗ trợ giúp cho tất cả vượt thoát luân hồi sinh tử (Saṃsāra) và chứng đắc sự an tịnh thù thắng của Niết-bàn.

Nguyên cho cuốn sách này trở thành nhân duyên trợ lực và trợ duyên giúp tất cả mọi người chứng đạt bốn Thánh Đạo và Thánh Quả: Dự lưu - Tu-đà-hoàn (Sotāpanna), Nhất lai - Tư-đà-hàm (Sakadāgāmi), Bất lai - A-na-hàm (Anāgāmi) và A-la-hán (Arahant).

Nguyên cho Tam bảo trở thành nơi nương tựa của quý vị!

Kính cẩn,

Trưởng lão Ñāṇavamsa

Hồi hướng công đức

**“Sāgārā anagārā ca - ubho aññoññanissitā,
ārādhayanti saddhammaṃ - yogakkhemaṃ anuttaraṃ.”**

“Hàng tại gia và bậc xuất gia

Hai bên nương tựa lẫn nhau;

Cùng nhau làm cho Chánh Pháp được hưng thịnh,

Thành tựu sự an ổn tối thượng, vượt ngoài mọi ràng buộc”.

**“Sāgaṛesu ca cīvaram - paccayaṃ sayanāsanam,
anagārā paṭicchanti - parissayavinodanam.”**

“Từ hàng tại gia, bậc xuất gia thọ nhận,

y phục, vật thực, chỗ ở và dược phẩm;

nhờ những duyên lành ấy, đời sống không nhà được hộ trì,

các chướng nạn và hiểm duyên dần được tiêu trừ”.

(Kinh Bahukāra / Tiểu Bộ - Khuddaka Nikāya)

Thuận theo lời dạy này, Trưởng lão Galpotugoda Ñāṇavamsa đã biên soạn một tác phẩm Pháp bảo quý giá mang tựa đề “Bốn phận của cư sĩ” (Upāsaka Vatta), với chủ đề: “Những điều hàng cư sĩ nên biết để đem lại sự an lạc và lợi ích cho chư Tăng”.

Nguyện cho sự cúng dường Pháp Bảo đầy công đức này trở thành duyên lành trợ lực cho Đại đức được thân tâm an lạc, không bệnh tật, sống lâu và hưng thịnh, đồng thời viên mãn các ba-la-mật trên con đường hướng đến sự chứng ngộ Niết-bàn vô vi (asaṅkhata-nibbāna-dhātu), theo chí nguyện giác ngộ mà Ngài hướng đến.

Nguyện cho thiện sự cao quý này trở thành nhân duyên đưa đến sự giải thoát mau chóng theo chí nguyện giác ngộ mà mỗi người hằng ước

mong - cho tất cả những ai đã đóng góp vào công trình này dưới bất kỳ hình thức nào; cho cha mẹ và thân quyến còn hiện tiền của họ; cho tất cả thân bằng quyến thuộc đã quá vãng được tưởng nhớ; cho chúng ta, những người có duyên lành được tham dự vào thiện sự này; và cho hết thảy chúng sinh trong khắp thế gian.

Nguyện cho công đức thù thắng này cũng trở thành nhân duyên đưa đến sự phát sinh tuệ giác và chứng ngộ chánh Pháp cho chủ nhân cùng toàn thể nhân viên của Nhà in Pāramī, những người đã đảm nhận việc ấn hành tác phẩm Pháp bảo này.

Kính cẩn trình,
Amila Priyankara

Tài liệu tham khảo

Trong quá trình biên soạn tác phẩm này, các nguồn kinh sách đã được tham khảo, cùng những tác phẩm ghi nhận các dữ kiện liên hệ, được liệt kê khái quát dưới đây. Tuy các câu Pāli không được trích dẫn hoàn toàn nguyên văn, tôi đã cố gắng sử dụng chúng theo cách không làm sai lệch ý nghĩa nguyên bản.

1. Những điều cần biết liên quan đến thực phẩm

1.1 Thọ nhận thực phẩm

Tạng Luật (Vinaya Piṭaka), Giới Học - Hành Trì - Sám Hối (Pācittiyapāli), Điều Học Về Sử Dụng Que Chà Răng Của Tỳ-khưu (Dantapona Sikkhāpada) và Chú Giải (Aṭṭhakathā).

1.2 Phân tích thời gian

Tạng Luật (Vinaya Piṭaka), Chú Giải Đại Phẩm (Mahāvaggapāli Aṭṭhakathā), Bài pháp về Bốn Đại Tiêu Chuẩn (Catumahāpadesa kathā).

1.3 Người tích trữ (Sannidhikāraka – người cất giữ dự trữ)

Tạng Luật (Vinaya Piṭaka), Giới Học - Hành Trì - Sám Hối (Pācittiyapāli), Điều Học Về Việc Cất Trữ Thực Phẩm (Sannidhikāraka Sikkhāpada) và Chú Giải (Aṭṭhakathā).

1.4 Tám loại nước thuốc (Aṭṭhapāna Gilān-pasa)

Tạng Luật (Vinaya Piṭaka), Đại Phẩm (Mahāvaggapāli), Câu chuyện Keniyajaṭila (Keniyajaṭila vatthu).

1.5 Những loại trái cây không thích hợp làm nước uống buổi chiều

Tạng Luật (Vinaya Piṭaka), Chú Giải Đại Phẩm (Mahāvaggapāli Aṭṭhakathā), Chương về Dược Phẩm (Bhesajjakkhandaka).

1.6 Các loại nước uống nóng

Tạng Luật (Vinaya Piṭaka), Chú Giải Đại Phẩm (Mahāvaggapāli Aṭṭhakathā), Chương về Dược Phẩm (Bhesajjakkhandaka).

1.8 Thọ thực sau giờ Ngọ

Tạng Luật (Vinaya Piṭaka), Giới Học - Hành Trì - Sám Hối (Pācittiya-pāḷi), Điều Học Về Ăn Phi Thời (Vikālabhojana Sikkhāpada) và Chú Giải (Aṭṭhakathā).

1.9 Bình minh và giờ Ngọ

Phụ Chú Giải Vinyāṇkārā (Vinyāṇkārā ṭīkā).

1.10 Từ chối thực phẩm (Āhāra Pavāraṇa)

Tạng Luật (Vinaya Piṭaka), Giới Học - Hành Trì - Sám Hối (Pācittiya-pāḷi), Điều Học Về Lễ Tự Tứ Lần Đầu (Paṭhamapavāraṇa Sikkhāpada) và Chú Giải (Aṭṭhakathā).

1.11 Làm cho thực phẩm trở thành hợp lệ theo Giới luật (Kappiyam)

Tạng Luật (Vinaya Piṭaka), Giới Học - Hành Trì - Sám Hối (Pācittiya-pāḷi), Điều Học Không Phá Hoại Thực Vật (Bhūtagāma Sikkhāpada) và Chú Giải (Aṭṭhakathā).

1.12 Thịt được phép và không được phép thọ dụng

Tạng Luật (Vinaya Piṭaka), Đại Phẩm (Mahāvaggapāḷi), Chương về Dược Phẩm (Bhesajjakhandaka).

1.13 Nấu (thực phẩm)

Tạng Luật (Vinaya Piṭaka), Đại Phẩm (Mahāvaggapāḷi), Chương về Dược Phẩm (Bhesajjakhandaka), Chú Giải Bác Bỏ Sự Hiểu Sai (Antovuttādi paṭikkhepakathā).

2. Những điều cần biết liên quan đến tiền bạc

2.1 Nên làm gì khi dâng cúng tiền

2.2 Mua sắm những vật dụng cần thiết thông qua người hộ tang/thị giả (Kappiyakāraka²)

2.3 Cúng dường tiền cho mục đích chung

Ba đề mục trên trích từ Tạng Luật (Vinayapiṭaka), Giới Bất Cộng Trụ (Pārājikapāli³), Điều Học Về Vua Và Người Cầm Quyền (Rāja Sikkhāpada), Điều Học Về Tiền Vàng Bạc (Rūpiya Sikkhāpada) và Chú Giải (Aṭṭhakathā).

2.4 Việc cần làm đối với số tiền bị bỏ quên

Tạng Luật (Vinaya Piṭaka), Giới Học - Hành Trì - Sám Hối (Pācittiyapāli), Điều Học Cấm Tỳ-khuru Nhận và Cất Giữ Bảo Vật (Ratana Sikkhāpada).

2.5 Trao đổi những vật không được phép

Tạng Luật (Vinayapiṭaka), Giới Học - Hành Trì - Sám Hối (Pācittiyapāli), Điều Học Về Giao Dịch, Trao Đổi, Can Dự Với Tiền Bạc (Rūpiyasamvohāra Sikkhāpada).

2.6 Trao đổi những vật được phép

Tạng Luật (Vinayapiṭaka), Giới Bất Cộng Trụ (Pārājikapāli), Điều Học Về Tỳ-khuru Dùng Thân Thể Hay Sức Lao Động Của Mình Để Đổi Lấy Lợi Ích Vật Chất (Kayavikkaya Sikkhāpada).

2.8 Những vật không được chạm đến (Anāmāsa Vatthu)

Tạng Luật (Vinayapiṭaka), Chú Giải Luật Tạng Tóm Lược (Vinayaśaṅgaha Aṭṭhakathā), Phần Luận Giải Về Những Vật Tỳ-khuru Không Được Chạm Đến (Anāmāsa vinicchaya-kathā).

² ND: Kappiya: hợp lệ, hợp pháp theo Giới luật; Kāraka: người làm, người thực hiện; Kappiyakāraka: người cư sĩ (hoặc sa-di) làm những việc, làm cho vật trở nên hợp lệ theo Giới luật)

³ ND: Pārājika là các học giới mà nếu phạm thì Tỳ-khuru bị mất tư cách Tăng vĩnh viễn, gồm có 4 điều đối với Tỳ-khuru: dâm dục, trộm cắp, cố ý giết người, nói dối về chứng đắc Thánh quả

3. Những điều cần biết liên quan đến y áo

3.1 Màu sắc của y

Tạng Luật (Vinaya Piṭaka), Đại Phẩm (Mahāvaggapāli), Phẩm Luật Về Y Phục (Cīvarakkhandaka).

3.2 Kích cỡ của y

Tạng Luật (Vinayapiṭaka), Giới Bất Cộng Trụ (Pārājikapāli), Điều Học Về Lễ Tự Tứ Lần Đầu⁴ (Paṭhamapavāraṇa Sikkhāpada).

3.3 Phân mảnh và cắt may y

Tạng Luật (Vinaya Piṭaka), Đại Phẩm Mahāvaggapāli, Phẩm Luật Về Y Phục (Cīvarakkhandaka).

4. Những điều cần biết liên quan đến bình bát khất thực

4.1 Kích cỡ của bình bát khất thực

Tạng Luật (Vinayapiṭaka), Giới Bất Cộng Trụ (Pārājikapāli), Điều Học Quy Định Y Của Tỳ-khưu Phải Có Ít Nhất Năm Chỗ Buộc/Điểm Nối (Ūna pañcabandhana Sikkhāpada).

5. Những điều cần biết liên quan đến giày dép

Tạng Luật (Vinaya Piṭaka), Đại Phẩm (Mahāvaggapāli), Phẩm Về Da Thú (Chammakkhandaka), Phẩm Cấm May Y Các Màu Như Xanh Và Các Màu Khác (Nīlādipaṭikkhepo).

6. Những điều cần biết liên quan đến ô (dù)

Tạng Luật (Vinaya Piṭaka), Giới Học - Hành Trì - Sám Hối (Pācittiyapāli) (Phần Phân Tích Giới Của Tỳ-khưu-ni (Bhikkhunī vibhaṅga)), Phẩm Về Ô (Dù) Và Dép (Chattupāhana vagga), Điều Học Đầu Tiên (Paṭhama Sikkhāpada).

⁴ ND: Nghi thức cuối mùa an cư (vassa), trong đó mỗi Tỳ-khưu thỉnh cầu chư Tăng chỉ lỗi nếu có thấy, nghe hoặc nghi. Pháp sự phản ánh nguyên tắc tự thanh tịnh và kiểm soát nội bộ của Tăng đoàn theo Luật Tạng, duy trì tâm (hiri) - úy (ottappa), sự hòa hợp lâu dài của cộng đồng phạm hạnh.

7. Những điều liên quan đến việc nằm nghỉ (nghỉ ngơi hay ngủ)

7.1 Nằm nghỉ trong nhà có người nam cư trú

Tạng Luật (Vinaya Piṭaka), Giới Học - Hành Trì - Sám Hối (Pācittiyapāli), Điều Học Đầu Tiên Về Ngủ Chung Chỗ (Paṭhama Sahaseyya Sikkhāpada) và Chú Giải (Aṭṭhakathā).

7.2 Nằm nghỉ trong nhà có người nữ cư trú

Tạng Luật (Vinaya Piṭaka), Giới Học - Hành Trì - Sám Hối (Pācittiyapāli), Điều Học Thứ Hai Về Ngủ Chung Chỗ (Dutiya Sahaseyya Sikkhāpada) và Chú Giải (Aṭṭhakathā).

7.3 Nằm nghỉ ban ngày

Tạng Luật (Vinaya Piṭaka), Phụ Chú Giải Làm Rõ Luật Tạng (Vinayālaṅkāra ṭīkā).

8. Những điều cư sĩ cần biết khi đến gần chư Tỳ-khưu

8.1 Ở riêng với người nữ

Tạng Luật (Vinaya Piṭaka), Giới Học - Hành Trì - Sám Hối (Pācittiyapāli), Điều Học Về Việc Ngồi Riêng Tư Với Người Nữ (Rahonisajja Sikkhāpada) và Chú Giải (Aṭṭhakathā).

8.2 Người nữ chạm vào thân một vị Tỳ-khưu

Tạng Luật (Vinayapiṭaka), Giới Bất Cộng Trụ (Pārājikapāli), Tội Tăng Tàn Do Cố Ý Tiếp Xúc Thân Thể Với Người Nữ Có Tâm Dục (Kāyasamsagga saṅghādisesa).

8.3 Cùng sắp xếp việc đi đường chung với người nữ

Tạng Luật (Vinaya Piṭaka), Giới Học - Hành Trì - Sám Hối (Pācittiyapāli), Điều Học Về Việc Tỳ-khưu Thu Xếp, Dàn Xếp Các Hoạt Động Mua Bán/Trao Đổi Cho Cư Sĩ (Saṃvidhāna Sikkhāpada).

9. Những điều cần biết liên quan đến đào đất và chặt cây

9.1 Đào đất

Tạng Luật (Vinaya Piṭaka), Giới Học - Hành Trì - Sám Hối

(Pācittiyapāli), Điều Học Về Việc Đào Đất (Paṭhavikhaṇana Sikkhāpada) và Chú Giải (Aṭṭhakathā).

9.2 Chặt cây

Tạng Luật (Vinaya Piṭaka), Giới Học - Hành Trì - Sám Hối (Pācittiyapāli), Điều Học Không Phá Hoại Thực Vật (Bhūtagāma Sikkhāpada) và Chú Giải (Aṭṭhakathā).

10. Những điểm quan trọng liên quan đến thuốc

Tạng Luật (Vinaya Piṭaka), Giới Học - Hành Trì - Sám Hối (Pācittiyapāli), Điều Học Mahānāma⁵ (Mahānāma Sikkhāpada)

11. Những điều cần biết về các vật dụng thuộc sở hữu Tăng đoàn

11.1 Vật dụng trọng yếu (Garū Bhaṇḍa)

Tạng Luật (Vinayapiṭaka), Giới Bất Cộng Trụ Pārājikapāli.

11.4 Tài vật cá nhân của một vị Tỳ-khưu đã viên tịch

Tạng Luật (Vinaya Piṭaka), Đại Phẩm (Mahāvaggapāli), Phẩm Luật Về Y Phục (Cīvarakkhandaka), Luận Bàn Về Tài Sản Của Người Đã Chết (Matasantakakathā).

12. Những điểm trọng yếu liên quan đến thỉnh mời an cư và lễ dâng y Kathina

12.1 Thỉnh mời nhập hạ (Vassa Ārāddhanā)

Tạng Luật (Vinayapiṭaka), Giới Bất Cộng Trụ (Pārājikapāli), Điều Học Đầu Tiên Đến Lễ Dâng Y Kathina (Paṭhamakathina Sikkhāpada) và Chú Giải (Aṭṭhakathā).

12.3 Dâng y Kathina

Tạng Luật (Vinayapiṭaka), Giới Bất Cộng Trụ (Pārājikapāli), Điều Học Đầu Tiên Đến Lễ Dâng Y Kathina (Paṭhamakathina Sikkhāpada) và Chú Giải (Aṭṭhakathā).

⁵ ND: Mahānāma là tên riêng của một vị cư sĩ dòng Sakya, em họ của Đức Phật. Đây là học giới được Đức Phật chế định có nhân duyên từ cư sĩ Mahānāma

13. Những điểm cần biết về lễ đánh lễ (Vandanā)

13.1 Những trường hợp không nên đánh lễ

Tạng Luật (Vinaya Piṭaka), Phần Tổng Hợp Giới Luật (Parivārapāli).

14. Những điểm quan trọng cần biết liên quan đến việc nghe Pháp

14.1 Thuyết Pháp cho người nữ

Tạng Luật (Vinaya Piṭaka), Giới Học - Hành Trì - Sám Hối (Pācittiyapāli), Điều Học Liên Quan Đến Việc Thuyết Pháp của Tỳ-khưu (Dhammadesanā Sikkhāpada).

14.2 Nghe Pháp với thái độ cung kính

Tạng Luật (Vinaya Piṭaka), Giới Học - Hành Trì - Sám Hối (Pācittiyapāli), Các Điều Học Về Oai Nghi - Tế Hạnh của Tỳ-khưu (Sekhiyā) và Chú Giải (Aṭṭhakathā).

16. Hình phạt do Đức Phật chế định đối với hàng cư sĩ phi chánh hạnh

Tạng Luật (Vinaya Piṭaka), Tiểu Phẩm Của Luật Tạng (Cullavaggapāli), Chương Nói Về Các Sự Việc Nhỏ Trong Sinh Hoạt Tăng Đoàn (Khuddakavatthukkhanda).

Ngoài ra, một số sự kiện và ý tưởng cũng được rút ra từ các cuốn sách sau:

Upasampadā Shīlaya – Trưởng lão Rerukāne Candavimala

Shasanāvataranaya – Trưởng lão Rerukāne Candavimala

Bauddhayāge Atpota – Trưởng lão Rerukāne Candavimala

Vahalaya Galavanna – Trưởng lão Aswatte Revata

Namo tassa bhagavato arahato sammā sambuddhassa.

Upāsaka Vatta

Bốn Phận Của Cư Sĩ Tại Gia

**“Vinayo nāma buddhasāsanassa āyu,
Vinaye ṭhite sāsanaṃ ṭhitaṃ hoti.”**

Pārājikā Aṭṭhakathā / Ganthārambhakathā

**“Luật tạng chính là sinh mệnh của Giáo pháp Đức Phật;
khi Luật được hộ trì bền vững - Giáo pháp cũng được trường tồn.”**

(Chú giải Pārājikā / Lời tựa)

“Thọ mạng của Giáo pháp chính là Giới luật. Nơi nào có Giới luật, nơi ấy Tăng đoàn được thiết lập và duy trì.

Để góp phần bảo hộ đời sống giới luật của chư Tỳ-khưu đáng kính, nhiều quy tắc và cách hành xử mà hàng cư sĩ cần phải hiểu biết. Nguyên cho cuốn sách này trở thành một cẩm nang giúp người đọc hiểu rõ và thực hành sanghopasthāna (phụng sự, hộ trì và chăm sóc Tăng đoàn) với tâm chánh niệm, nhờ đó từng bước tiến đến con đường giải thoát.

1. Những điều cần biết liên quan đến thực phẩm

1.1 Thọ nhận thực phẩm

Chỉ có nước và tắm xia răng là những thứ mà chư Tỳ-khưu được dùng mà không cần làm thủ tục thọ nhận chính thức.

“Thọ nhận” nghĩa là hành động một người chưa thọ Cụ túc Giới - Upasampadā (sa-di hoặc cư sĩ) cầm món ăn lên và dâng cho một vị Tỳ-khưu đã thọ Cụ túc Giới. Việc ấy được gọi là “thọ nhận” khi vật thực được trao và nhận thông qua thân của người dâng và người nhận, hoặc qua một vật gắn liền với thân. Khi đó vị Tỳ-khưu mới được phép thọ dụng vật thực ấy.

Theo Luật tạng (Vinaya), một vị Tỳ-khưu không được phép tự mình lấy và thọ dụng bất kỳ loại thực phẩm, thuốc, hay bất cứ thứ gì cần phải

nuốt. Chỉ khi vật ấy được dâng cúng, vị Tỳ-khưu mới được phép thọ dụng. Sự thọ nhận như vậy chỉ có thể thực hiện bởi một vị Tỳ-khưu đã thọ Cụ túc Giới. Người chưa thọ Cụ túc Giới chỉ có thể thực hiện hành động dâng cúng để vị Tỳ-khưu thọ nhận.

Khi dâng như vậy, nếu như chỉ đặt thức ăn trước mặt một vị Tỳ-khưu và nói: “Xin dâng thực phẩm này đến Tỳ-khưu” thì chưa được xem là sự thọ nhận. Vật thực hoặc bất cứ thứ gì cần nuốt phải được trao vào tay của vị Tỳ-khưu, hoặc vào một vật gắn liền với thân của vị ấy. “Vật gắn liền với thân” ở đây có nghĩa là những vật như bát (bình bát).

Ngoài ra, nếu vị Tỳ-khưu có chủ ý giữ một vật trước mặt với ý định thọ nhận, chẳng hạn một cái bàn (vật mà một người bình thường có thể mang vác), thì việc đặt thức ăn lên đó được xem là hoàn tất sự thọ nhận. Chỉ nói lời dâng cúng suông thì không được xem là sự thọ nhận.

Ngay cả khi một vật được dâng cúng được gói chung trong một bọc, nếu bên trong chứa thức ăn, thì vị Tỳ-khưu không được mang đi và dùng cho đến khi vật thực ấy được trao vào tay của vị ấy. Một vị Tỳ-khưu đã thọ Cụ túc Giới không được dâng cúng cho một vị Tỳ-khưu đã thọ Cụ túc Giới khác. Khi một vị Tỳ-khưu đã thọ nhận một vật, vật ấy trở thành hợp lệ để tất cả các Tỳ-khưu thọ dụng.

Năm điểm cần được lưu ý trong hành vi thọ nhận:

1. Khoảng cách giữa người dâng và vị Tỳ-khưu thọ nhận là một điểm trọng yếu cần biết trong việc thọ nhận. Nhiều người, do thiếu hiểu biết đúng đắn về điều này, đã gây ra sự bất tiện cho vị Tỳ-khưu. Người chưa thọ Cụ túc Giới cần đứng trong tầm tay của vị Tỳ-khưu khi dâng cúng. “Trong tầm tay” nghĩa là khoảng cách giữa hai người không quá hai rưỡi (2,5) khuỷu tay (1,1-1,2 mét). Nếu vật được dâng từ khoảng cách xa hơn như vậy mà vị Tỳ-khưu nhận lấy, thì sự thọ nhận ấy không hợp lệ. Việc thọ dụng những vật theo cách này được xem là phạm Giới. Vì vậy, khoảng cách giữa người dâng cúng và vị Tỳ-khưu thọ nhận không nên vượt quá hai rưỡi (2,5) khuỷu tay (1,1-1,2 mét).

Tùy theo nơi vị Tỳ-khưu đang ở và tư thế của vị ấy, cách đo khoảng cách hai rưỡi khuỷu tay có thể khác nhau.



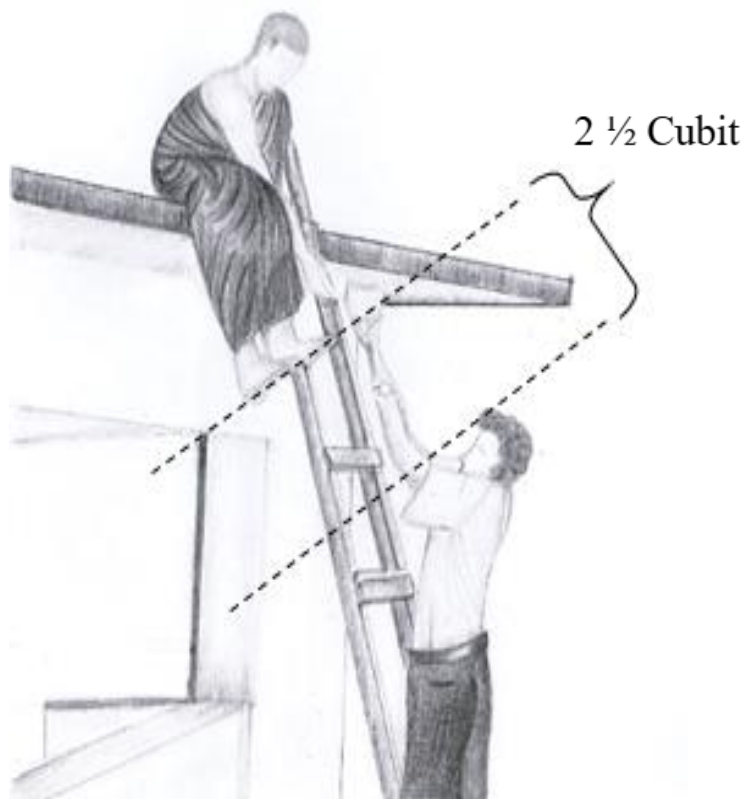
Khi vị Tỳ-khưu đang ngồi, khoảng cách được đo từ phía sau lưng của vị Tỳ-khưu đến phía trước thân của người dâng cúng. Khi một cư sĩ hoặc một sa-di (Sāmaṇera) nghiêng người về phía trước để dâng cúng, khoảng cách hai rưỡi khuỷu tay được tính từ điểm trên thân người ấy gần với vị Tỳ-khưu nhất, không tính cánh tay đang duỗi ra để dâng vật.



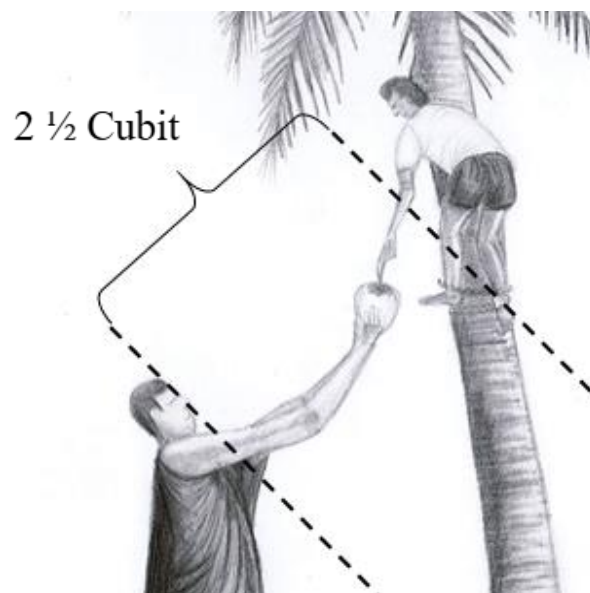
2 ½ Cubit

Khi vị Tỳ-khưu đang ngồi, nếu có người cúi đầu đánh lễ rồi dâng cúng, do người ấy cúi đầu về phía trước nên phần cơ thể gần vị Tỳ-khưu nhất sẽ là vùng đầu của người dâng cúng. Trong trường hợp đó, khoảng cách hai rưỡi khuỷu tay phải được đo từ phía sau của phần thân gần nhất với vị Tỳ-khưu (tức phần nối với đầu của người dâng cúng), và khoảng cách ấy phải nhỏ hơn hai rưỡi khuỷu tay. Trong hình minh họa trên đây, phần gần nhất của vị Tỳ-khưu là bàn chân. Vì vậy, khoảng cách được đo từ phía sau của phần thân nơi bàn chân ấy gắn liền. Nếu vị Tỳ-khưu cúi đầu về phía trước, thì khoảng cách phải được đo từ phía sau đầu của vị ấy. Tay hoặc chân không được xem là phần thân chính trong bối cảnh thọ nhận này. Nếu khoảng cách vượt quá mức quy định, sự thọ nhận không xảy ra. Những người không đến gần chư Tỳ-khưu mà đứng từ xa rồi duỗi tay ra để dâng cúng. Làm như vậy thì sự thọ nhận không được xem là hợp lệ.

Trong một trường hợp, nếu có vật cản (chẳng hạn một cái bàn) nằm giữa vị Tỳ-khưu và người dâng cúng, khiến hai bên không thể ở trong tầm với của tay, thì khi cả hai cùng nghiêng người về phía trước, nếu khoảng cách từ phía sau gáy của vị Tỳ-khưu đến đầu của người dâng cúng nhỏ hơn hai rưỡi khuỷu tay, thì sự thọ nhận vẫn được xem là hợp lệ.

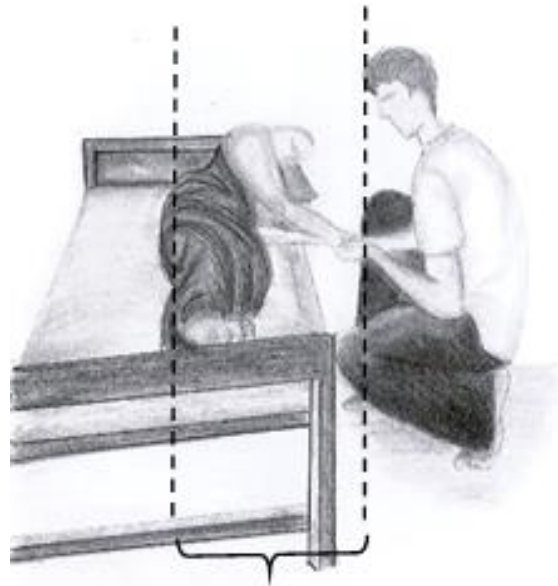


Tương tự, khi vị Tỳ-khưu ngồi ở chỗ cao hơn và một người chưa thọ Cụ túc Giới dâng cúng từ bên dưới, khoảng cách trong tầm tay được đo từ mép bàn chân của vị Tỳ-khưu xuống đến đầu của người dâng cúng. Khoảng cách giữa hai bên phải nhỏ hơn hai rưỡi khuỷu tay. Nếu vượt quá khoảng cách ấy thì sự thọ nhận được xem là không hợp lệ.



1. Những điều cần biết liên quan đến thực phẩm

Tương tự, nếu vị Tỳ-khưu ở dưới đất còn người dâng cúng đứng ở một nơi cao hơn, thì khoảng cách trong tầm với của tay được đo từ lòng bàn chân của người dâng cúng đứng ở trên xuống đến phía sau đầu của vị Tỳ-khưu. Khoảng cách giữa hai bên phải nhỏ hơn hai rưỡi khuỷu tay. Nếu không, sự thọ nhận sẽ không được xem là hợp lệ.



2 ½ Cubit

Khi vị Tỳ-khưu đang nằm và có người đến dâng cúng, khoảng cách trong tầm tay được đo từ phía sau thân của vị Tỳ-khưu đến phần thân của người dâng cúng gần với vị ấy nhất. Khoảng cách giữa hai bên phải nhỏ hơn hai rưỡi khuỷu tay.

Do vậy, trong khi thọ nhận, cần đặc biệt lưu ý đến khoảng cách giữa hai người.

1. Phương pháp hiện nay được chư Tỳ-khưu sử dụng để xác định rõ ràng và chắc chắn khoảng cách “trong tầm tay” là: nhận vật dâng cúng ở khoảng cách mà khi vị Tỳ-khưu duỗi tay ra có thể chạm đến mũi của người dâng cúng. Đây được xem là cách chính xác nhất khi thọ nhận trong tư thế ngồi.
2. Điểm tiếp theo cần lưu ý là vật được dâng cúng phải có kích thước và trọng lượng mà một người có sức lực trung bình có thể nâng lên được. Nếu một vật mà người có sức lực trung bình không thể tự nâng, nhưng lại được hai hoặc ba người cùng nhau nâng để dâng cúng, thì sự thọ nhận ấy không hợp lệ. Tuy nhiên, nếu vật đó thuộc

loại mà một người có sức lực trung bình có thể nâng được, thì dù hai hay nhiều người cùng nâng và dâng cúng, sự thọ nhận vẫn được xem là hợp lệ.

Trong trường hợp này, ít nhất phải có một người đứng trong tầm tay của vị Tỳ-khưu. Trong các buổi lễ dâng cúng (dāna), đôi khi vì tiện lợi hoặc để nhanh chóng, một nhóm người cùng nâng cả bàn rồi dâng cúng. Trong những trường hợp như thế, điều này cần được xem xét cẩn thận. Nếu vật thực và bàn nặng đến mức một người có sức lực trung bình không thể tự nâng lên được, thì mỗi vật nên được dâng cúng riêng cho vị Tỳ-khưu. Nếu không, do sự thọ nhận không hợp lệ, vị Tỳ-khưu có thể phạm giới.

3. Điểm kế tiếp là vật được dâng cúng phải được hướng trực tiếp đến vị Tỳ-khưu. Nếu một người mang đến vật dâng cúng đặt trên khay, thì vị Tỳ-khưu không được chỉ lấy riêng vật trên khay. Toàn bộ khay hoặc vật chứa, cùng vật được dâng, phải được thọ nhận trước, sau đó vị ấy mới lấy vật ở khay. Hoặc vị Tỳ-khưu đặt một tay lên khay hoặc vật chứa và dùng tay kia lấy vật từ trong vật chứa hoặc ở khay. Khi dâng được phẩm cho vị Tỳ-khưu, không nên làm theo cách giống như mời khách dùng trà trong nhà. Thay vào đó, việc nhắc chiếc tách ra khỏi khay và trao trực tiếp vào tay vị Tỳ-khưu sẽ thuận tiện hơn cho vị ấy.
4. Vật dâng cúng phải được người chưa thọ Cụ túc Giới trao cho Tỳ-khưu rồi buông khỏi tay, hoặc trao qua một vật đang cầm trong tay như muống. Chừng nào vật cúng dường vẫn còn chạm với thân của người cúng dường hoặc Sa-di, thì việc cúng dường chưa được xem là không hợp lệ. Vật ấy phải được buông ra từ phía người dâng cúng, hoặc trực tiếp từ thân, hay thông qua một vật gắn liền với thân.
5. Điểm cuối cùng là vật đã được buông ra như vậy phải được vị Tỳ-khưu thọ nhận bằng tay, hoặc bằng một vật gắn liền với thân. Ví dụ, khi người chưa thọ Cụ túc Giới dâng vật bằng muống, vị Tỳ-khưu phải nhận bằng tay hoặc bằng bình bát đặt trên đùi.

Khi năm điều kiện này được thực hiện đầy đủ, việc thọ nhận được xem là hợp lệ. Nếu người chưa thọ Cụ túc Giới dâng cúng với sự hiểu biết đúng đắn về các điểm này, vị Tỳ-khưu có thể thọ dụng thức ăn và đồ uống mà không có sự nghi ngại hay lo ngại nào.

Ngoài ra, khi vị Tỳ-khưu có ý định thọ nhận, thì dù vật dâng cúng được đặt trên tay hay trên bất kỳ phần nào của thân, sự thọ nhận vẫn được xem là hợp lệ. Ngay cả khi vật dâng cúng được đặt lên một vật đang tiếp xúc với thân vị Tỳ-khưu, dù chỉ chạm rất nhỏ như đầu kim, thì sự thọ nhận vẫn hợp lệ. Khi vị Tỳ-khưu đang giữ một vật như giường, bàn hoặc ghế, thì bất cứ vật gì đặt lên đó cũng được xem là đã được thọ nhận. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng việc đặt vật dâng cúng lên những vật cố định, không thể di chuyển, như bàn bê tông hoặc tảng đá, thì không được xem là sự thọ nhận hợp lệ.

Nếu một vị Tỳ-khưu đứng gần một hàng rào lưới, và từ phía bên kia có người chưa thọ Cụ túc Giới đến gần để dâng cúng, thì khoảng cách trong tầm tay được xem là đã có, vì cả hai đều đứng sát hàng rào. Trong trường hợp này, người dâng có thể ném vật qua hàng rào; nếu vị Tỳ-khưu ở phía bên kia bắt lấy, thì sự dâng cúng được xem là hợp lệ.

Khi vật được dâng cúng hợp lệ theo cách như vậy, vật ấy trở thành hợp lệ để tất cả các Tỳ-khưu đã thọ Cụ túc Giới thọ dụng. Nếu việc dâng cúng không hợp lệ, thì vật ấy không được phép dùng đối với tất cả Tỳ-khưu. Nếu vị Tỳ-khưu nhấc vật lên trước khi nó được dâng cúng, thì vật ấy cũng trở thành không hợp lệ đối với tất cả Tỳ-khưu. Sau khi vật đã được thọ nhận, cho đến khi chư Tỳ-khưu thọ dụng xong, người chưa thọ Cụ túc Giới không nên chạm vào vật ấy nữa.

1.2 Phân tích thời hạn

Tất cả vật mà vị Tỳ-khưu dùng làm thực phẩm được phân theo bốn thời (kālika). Nếu hàng cư sĩ cũng hiểu rõ sự phân loại này, thì sẽ thuận tiện hơn cho chư Tỳ-khưu.

Bốn loại phân theo thời sử dụng gồm:

- Yāvakālika (hợp lệ cho đến giờ Ngọ)
- Yāmakālika (hợp lệ cho đến bình minh ngày hôm sau)
- Sattāhakālika (hợp lệ trong bảy ngày)
- Yāvajīvika (hợp lệ trọn đời)

Yāvakālika là những loại thức ăn và thức uống chỉ được phép thọ dụng từ bình minh đến trước giờ Ngọ. Những vật được xem là thực phẩm

đều phải được dùng trong khoảng thời gian này. Chúng bao gồm ngũ cốc, cháo, cơm, sữa, thịt, cá, các món canh hoặc món ăn kèm, bánh kẹo, trái cây v.v. Ngoài ra còn nhiều vật khác thuộc loại yāvakālīka. Đặc điểm chính của loại này là được dùng như thực phẩm. Những vật thuộc loại yāvakālīka chỉ được dâng cúng và thọ dụng trong thời gian quy định. Ngoài thời gian ấy, Tỳ-khưu không được nhận, giữ lại hoặc dùng các vật này. Vì vậy, cư sĩ hoặc sa-di cần biết rõ, chỉ nên dâng cúng các vật yāvakālīka trong khoảng thời gian được phép.

Yāmakālīka là những vật có thể được giữ lại và thọ dụng từ bình minh đến bình minh hôm sau. Loại này bao gồm Aṭṭhapāna (tám loại nước uống) và các chế phẩm trị bệnh từ trái cây tương tự. Nước trái cây được chế biến bằng cách giã hoặc ép các loại trái cây phù hợp với Aṭṭhapāna rồi pha với nước lạnh, có thể được dùng trong khoảng thời gian này. Tuy nhiên, các loại nước trái cây như vậy không do một Tỳ-khưu tự chế biến. Nếu vị Tỳ-khưu tự làm, vật ấy sẽ trở thành yāvakālīka, vì vậy phải dùng hết trước giờ Ngọ. Nhưng nếu cư sĩ hoặc sa-di giã và lọc trái cây rồi dâng cúng, thì có thể giữ lại và dùng đến bình minh hôm sau. Những vật này phải được dùng hết trước khi trời sáng; nếu không, phải bỏ đi (hoặc cho cư sĩ, sa-di, hoặc bỏ đi mà không còn ý định sử dụng).

Sattāhakālīka là những vật mà Tỳ-khưu có thể giữ và thọ dụng tối đa trong bảy ngày. Loại này bao gồm các loại dầu như dầu mè, bơ lỏng (ghee), bơ, mật ong, đường mía cô đặc, các sản phẩm tương tự làm từ đường. Ví dụ, catu-madhu (bốn loại vị ngọt) được chế từ bơ, bơ lỏng, mật ong và đường mía cô đặc có thể được giữ và dùng trong bảy ngày. Sang ngày thứ tám, vật ấy phải được dùng hết trước bình minh, hoặc bỏ đi. Khi cư sĩ dâng cúng những vật thuộc loại này, có thể đặt ở một nơi thích hợp hoặc giao cho thị giả (kappiyakāraka) cất giữ mà không cần trao trực tiếp vào tay vị Tỳ-khưu. Sau đó, vị Tỳ-khưu có thể thọ nhận và sử dụng khi cần.

Yāvajīvika là những vật mà sau khi đã được thọ nhận thì có thể giữ và thọ dụng suốt đời. Tất cả vật không thuộc ba loại nêu trên đều được xếp vào loại yāvajīvika. Loại này bao gồm cà phê, trà, tỏi, gừng, ngò (rau mùi), quả kha tử (myrobalan), thổ phục linh (sarsaparilla) và các loại dược liệu thảo mộc tương tự. Sau khi thọ nhận, các vật này có thể được giữ hoặc dùng suốt đời mà không phạm giới. Không chỉ có thể đun nấu rồi uống,

vị Tỳ-khưu còn được nhai hoặc nuốt trực tiếp. Ví dụ, nhai và nuốt các miếng kha tử hoặc tỏi không bị xem là phạm giới.

Một điểm quan trọng khác liên quan đến các loại kālīka là: khi các vật thuộc những loại này được trộn lẫn với nhau, thời hạn được phép thọ dụng sẽ thay đổi theo sự kết hợp đó.

Ví dụ, nếu vị Tỳ-khưu có tỏi (thuộc loại yāvajīvika) và trộn với mật ong (thuộc loại sattāhakālīka), thì tỏi trở thành sattāhakālīka. Tương tự, khi một vật sattāhakālīka như đường được trộn với thực phẩm, thì đường ấy trở thành thực phẩm và được xếp vào loại yāvakālīka. Do đó, cần hiểu rõ sự thay đổi của các loại kālīka khi chúng được trộn lẫn với nhau.

Khi hàng cư sĩ hiểu rõ những phân loại kālīka này và hộ trì chư Tỳ-khưu một cách đúng pháp, sẽ tích lũy được nhiều phước báu.

1.3 Sannidhikāraka (người cất giữ, tích trữ thực phẩm còn lại)

Tất cả loại thực phẩm đã được thọ nhận nhưng giữ lại quá thời hạn cho phép đều được gọi là sannidhikāraka (thực phẩm tồn trữ quá hạn). Các vật yāvakālīka trở thành sannidhikāraka sau giờ Ngọ; các vật yāmakālīka trở thành sannidhikāraka sau bình minh của ngày hôm sau. Đối với các vật sattāhakālīka, tuy không được gọi là sannidhikāraka ngay sau bình minh của ngày thứ tám, vẫn phải bỏ đi. Theo Giới luật của chư Tỳ-khưu, các vật sannidhikāraka không được phép giữ lại. Vì vậy, những loại thực phẩm có thể bảo quản lâu như sữa bột hoặc đồ hộp, nếu đã được thọ nhận, vị Tỳ-khưu cũng phải bỏ đi khi quá thời hạn cho phép.

Chỉ nên thọ nhận lượng thực phẩm cần dùng trong ngày. Nếu còn dư, vị Tỳ-khưu phải bỏ đi bằng cách giao cho người chưa thọ Cụ túc Giới mà không còn ý định giữ lại. Nếu thực phẩm đã được bỏ đi theo cách như vậy, và người chưa thọ Cụ túc Giới giữ lại cẩn thận rồi dâng cúng lại vào ngày hôm sau, thì việc thọ nhận và dùng lại không phạm giới. Cách làm như vậy được xem là cách hộ trì đúng đắn của người phụ giúp có hiểu biết.

Những loại thực phẩm này, nếu không được trao trực tiếp vào tay vị Tỳ-khưu mà được cư sĩ, sa-di giữ hộ, khi cần, vị Tỳ-khưu vẫn có thể thọ nhận và thọ dụng.

Ví dụ, muối là một loại dược phẩm thuộc loại yāvajīvika (hợp lệ trọn đời), nhưng khi được trộn với thực phẩm, nó được xem là thực phẩm. Vì vậy, muối đã được để riêng để trộn với thức ăn cần được hiểu là không còn dùng làm thuốc được nữa. Tương tự, muối được giữ lại dùng hàng ngày để trộn với thức ăn cũng không được phép giữ lâu. Sau một ngày sử dụng, muối ấy phải được bỏ đi.

Muối thọ nhận trong ngày nào thì có thể trộn với thực phẩm và được thọ nhận luôn ngày đó. Phần còn lại của hỗn hợp ấy có thể được giữ lại và dùng tiếp trong ngày hôm đó. Tuy nhiên, phần muối còn lại không được đem trộn với thực phẩm lần nữa, mà chỉ được dùng như dược phẩm. Ngoài ra, muối đã được thọ nhận từ hôm trước không được trộn với thực phẩm được thọ nhận hôm nay, vì muối ấy đã được dùng dưới dạng dược phẩm.

1.4 Tám loại nước thuốc (Aṭṭhapāna Gilān-pasa)

Những loại trái cây Đức Thế Tôn cho phép rõ ràng, khi được giã nát, pha với nước và lọc lấy nước, thì được xếp vào loại thức uống hợp lệ gọi là gilān-pasa. Khi chuẩn bị loại thức uống này, không phải mọi loại trái cây đều được dùng. Cần biết rõ những loại nào được phép và chỉ dùng những loại được phép. Các loại trái cây được phép gồm: (1) xoài, (2) trái trám (Java plum/jamun), (3) chuối chín nhỏ, (4) chuối chín lớn, (5) nho tươi, (6) nho khô, (7) hoa sen xanh (utpala), (8) masan.

Tám loại thức uống này, cùng các loại trái cây tương tự và thích hợp khác như cam, quýt, trái bael, trái quách (wood apple) và táo, khi được chế biến thành thức uống làm thuốc, đều có thể được dâng cúng.

Khi chuẩn bị các loại nước hoa quả này cần lưu ý một số điểm quan trọng. Nước trái cây nên pha với nước lạnh theo tỷ lệ 1:1. Nếu pha với nước nóng, thức uống bị xem là đã “nấu chín” và do đó được tính là thực phẩm; vì vậy không thể dùng vào buổi chiều. Các loại nước uống pha với nước lạnh phải được lọc kỹ để không còn cặn. Theo ý kiến của một số học giả, loại nước này không nên lọc bằng rây hay lưới, mà nên dùng một tấm vải sạch (như vải muslin) và lọc khoảng ba lần. Các bản kinh Luật tạng cũng ghi rằng nước trái cây được lọc bằng vải. Những loại rây, lưới hiện nay có các lỗ nhỏ không tương đương với vải. Vì vậy, thay vì dùng rây lưới, lọc bằng vải được xem là phù hợp hơn.

Nếu trong nước uống sót lại dù chỉ một hạt cặn rất nhỏ mà mắt thường có thể thấy, vị Tỳ-khưu uống vào cũng bị xem là phạm giới. Nếu thức uống ấy được đun nóng bằng lửa thì cũng không được phép thọ dụng. Tuy nhiên, đối với vị Tỳ-khưu không thể uống nước lạnh do bệnh, thì việc làm ấm bằng cách phơi dưới ánh nắng mặt trời được xem là không phạm giới.

Một số người luộc quả bầu nâu (bael) trước khi ép nước để việc chế biến dễ dàng hơn. Tuy nhiên, quả được đun sôi như vậy không thích hợp để làm thức uống được liệu. Dù có chế biến thành nước uống, nó vẫn được xem là thực phẩm. Vì vậy, nước ép từ những trái cây đã được đun sôi không thích hợp để dâng cúng vào buổi chiều. Ngoài các loại trái cây, nước mía được ép trực tiếp được phép dùng. (Lưu ý: Nước mía nguyên chất, không pha nước, được xếp vào loại sattāhakālika - hợp lệ trong bảy ngày).

1.5 Những loại trái cây không thích hợp làm nước uống buổi chiều

Trong các bản kinh Luật tạng, một nhóm trái cây được gọi là mahāphala (đại quả) được xác định là không được dùng làm nước uống buổi chiều.

Chín loại đại quả gồm: thốt nốt, dừa, mít, sa-kê (breadfruit), bầu, dưa, bí đỏ, dưa chuột (thiyambara theo tên của Sri Lanka), bí ngòi (marrow), chuối xanh (ash plantain) cùng các loại trái cây tương tự. Những loại trái cây như mít chín, dừa xiêm và dưa non cũng thuộc nhóm này nên không thích hợp để làm nước uống. Dù các trái cây này được pha với nước lạnh và lọc kỹ, chúng vẫn được xem là thực phẩm, vì vậy không được dùng vào buổi chiều như được phẩm. Tương tự, các loại thức uống được chế biến từ ngũ cốc cũng không được phép dùng vào buổi chiều.

1.6 Các loại nước uống nóng

Nếu một vật được xem là dược phẩm, thì có thể được phơi khô, đun sôi và dùng dưới dạng nước thuốc. Tất cả những vật thuộc loại yāvajīvika trong sự phân loại theo thời hạn đều có thể được đun sôi rồi uống. Nhiều vật như hoa bầu nâu, tỏi, ngò (rau mùi), gừng và các loại tương tự thuộc vào nhóm này. Mặc dù việc chế biến nước trái bầu nâu pha lạnh không được phép, nhưng nếu dùng vỏ trái bầu nâu đun sôi để làm nước thuốc

thì được phép. Khi được chế biến theo cách này, nó không còn được xem là nước trái cây, mà được xem là được phẩm. Tuy nhiên, khi nấu vỏ bầu nẫu, cần rửa thật sạch và loại bỏ hoàn toàn phần ruột của trái. Nếu đun sôi khi còn dính phần thịt trái này, thì thức uống đó không được phép dùng vào buổi chiều.

1.7 Catu-madhu (Bốn vị ngọt)

Catu-madhu là một chế phẩm được làm bằng cách trộn bốn loại được phẩm thuộc nhóm sattāhakālika. Bốn loại này gồm:

- Dầu mè / dầu vừng (sesame oil / gingelly oil); Bơ lỏng (ghee)
- Bơ (*Lưu ý: bơ thực vật/margarine không thích hợp cho mục đích này, vì không được làm từ sữa mà qua các quy trình chế biến khác, nên được xem là thực phẩm*)
- Đường thô (jaggery) làm từ mía, nhựa cây móc (kithul) hoặc các cây tương tự
- Mật ong

Bốn loại này được trộn lại để chế biến thành catu-madhu. Trong quá trình chuẩn bị, dù đun nóng cũng không phạm giới. Chế phẩm này có thể được giữ và thọ dụng trong vòng bảy ngày.

Dù chuẩn bị với số lượng bao nhiêu, nếu không trao trực tiếp vào tay vị Tỳ-khưu mà giao cho thị giả (kappiyakāraka) giữ, khi cần vị Tỳ-khưu có thể thọ nhận và dùng. Ở những nơi không có thị giả, nên chuẩn bị và dâng cúng với lượng vừa đủ để tránh lãng phí.

1.8 Thọ thực sau giờ Ngọ

Khoảng thời gian từ lúc bình minh (aruṇodaya) đến trước giờ Ngọ là thời gian chư Tỳ-khưu được phép thọ dụng thực phẩm. Thời gian sau đó được gọi là vikāla (phi thời/trái thời - thời điểm không thích hợp). Vì vậy, cần hiểu rõ thời điểm bình minh và giờ Ngọ. Khi tổ chức dâng cúng trai tăng, nên sắp xếp sao cho chư Tỳ-khưu có đủ thời gian dùng xong bữa ăn trong thời gian cho phép (vikālabhojana).

Nhiều người cho rằng nếu có bệnh thì việc ăn vào buổi chiều không bị xem là phạm giới. Tuy nhiên, trong Luật tạng không có nơi nào nói lỏng

học giới về việc ăn sau giờ Ngọ với lý do bệnh tật. Ngay cả khi bị bệnh, nếu vị Tỳ-khưu dùng thực phẩm sau giờ Ngọ thì vẫn phạm giới vikālabhojana. Cũng cần biết rằng điều học này áp dụng tương tự đối với cư sĩ nam (upāsaka) và cư sĩ nữ (upāsikā) khi họ thọ trì giới không ăn sau giờ Ngọ.

Nếu chư Tỳ-khưu vì lý do nào đó không kịp dùng bữa trong thời gian cho phép, thì cư sĩ, sa-di nên khéo léo chuẩn bị các vật phẩm thuộc ba loại kālīka để dâng cúng.

1.9 Bình minh và giờ Ngọ

Đây là một vấn đề rất quan trọng trong giáo pháp Luật tạng của chư Tỳ-khưu. Nếu hiểu rõ thời điểm bình minh (aruṇa) và giờ Ngọ, có thể tránh được việc vi phạm nhiều điều học (sikkhāpada).

Aruṇa là một loại ánh sáng đặc biệt xuất hiện khoảng nửa giờ trước khi mặt trời mọc. Ánh sáng này hiện ra ở phương Đông với màu đỏ sẫm, trong Luật tạng được ví như sắc đỏ trong mắt cá. Lúc màu đỏ ấy xuất hiện, chim bắt đầu hót, bóng tối xung quanh dần tan, con người có thể nhìn thấy rõ gân lá và những chi tiết tương tự mà không cần nguồn ánh sáng nào khác. Khoảng nửa giờ sau đó, mặt trời bắt đầu mọc. Vì thời điểm xuất hiện của aruṇa thay đổi theo từng ngày, nên cần chú ý quan sát mỗi ngày.

Nếu buổi sáng có mưa lớn, hoặc khu vực có rừng rậm dày đặc, thì việc nhận biết thời điểm aruṇa có thể khó khăn. Trong trường hợp này, để tránh nghi ngờ liên quan đến Giới luật, tốt hơn nên đợi cho đến khi ánh sáng có thể nhìn thấy rõ ràng. Thời gian sau khi aruṇa xuất hiện - tức là khi ánh sáng đã hiện rõ - được xem là thời điểm thích hợp để thực hiện các việc như cúng dường, lễ bái Đức Phật (Buddha pūjā), dâng và thọ nhận thực phẩm cho chư Tỳ-khưu.

Nếu thực phẩm được dâng hoặc thọ nhận khi trời còn tối, trước khi aruṇa xuất hiện, đối với Tỳ-khưu, việc thọ dụng thực phẩm ấy bị xem là vikālabhojana (ăn phi thời). Tương tự, nếu thực phẩm được thọ nhận trước aruṇa, thì thực phẩm ấy trở thành không hợp lệ đối với tất cả Tỳ-khưu.

Cách xác định aruṇa cũng được áp dụng trong các vấn đề sẽ được trình bày ở phần sau, như việc nằm nghỉ (sayana). Vì vậy, hàng cư sĩ nên hiểu rõ về thời điểm aruṇa.

Giờ Ngọ là thời điểm khi mặt trời đạt đỉnh cao nhất trên bầu trời. Nhiều người cho rằng thời điểm này luôn đúng vào 12h trưa, nhưng thực tế không phải vậy. Thời điểm ấy thay đổi theo từng ngày, có khi xảy ra trước hoặc sau 12h. Vì vậy, khi chuẩn bị phẩm vật để dâng cúng, thí chủ nên lưu ý và sắp xếp sao cho chư Tỳ-khuru dùng xong bữa trước giờ Ngọ. Như vậy, chư Tỳ-khuru sẽ tránh bị phạm giới.

1.10 Từ chối thực phẩm (Āhāra Pavāraṇa)

Khi một vị Tỳ-khuru đang thọ thực (bữa ăn gồm năm loại thực phẩm), nếu có người khác đến dâng thêm một phần vật thực riêng (cũng thuộc năm loại đó), thì việc từ chối sự dâng cúng ấy được gọi là āhāra pavāraṇa (từ chối vật thực). Sau khi đã từ chối như vậy, nếu vị Tỳ-khuru vẫn ngồi tại chỗ ấy và thọ nhận thêm thực phẩm, thì phát sinh phạm giới (āpatti).

Sự phạm giới này phát sinh do sự thiếu hiểu biết từ phía cư sĩ, nhưng lại ảnh hưởng trực tiếp đến chư Tỳ-khuru.

Để việc từ chối vật thực này xảy ra, cần hội đủ năm điều kiện:

1. Vị Tỳ-khuru đã dùng một, hai, hoặc tất cả năm loại thực phẩm (pañcabhōjana). Năm loại thực phẩm đó là: odana, kummāsa, sattū, maccha và maṃsa.

- Odana là cơm. Các loại ngũ cốc như gạo đã xay hoặc chưa xay, lúa mạch, lúa mì, kê và các loại hạt tương tự, cùng những món ăn được chế biến từ các loại này và được dùng như cơm, đều được xếp vào odana. (Tuy nhiên, bánh string hopper - làm từ bột gạo, ép thành sợi nhỏ như bún rồi đem hấp, hoặc hopper được làm từ bột gạo lên men và nước cốt dừa, không được xếp vào loại này). Ngoài ra, cháo được nấu từ các loại ngũ cốc này cũng được xem là odana nếu đặc tới mức một muỗng lên sẽ tạo ra chỗ khuyết rõ ràng.
- Kummāsa là món ăn được chế biến từ gạo hoặc bắp (ngô) nấu chín.

1. Những điều cần biết liên quan đến thực phẩm

- Sattu là loại thức ăn vo viên, như bánh aggala (bánh ngọt truyền thống của Sri Lanka gồm dừa, mật đường) được làm từ bột của các loại hạt hoặc ngũ cốc đã rang và xay nhuyễn. Tuy nhiên, chỉ bột làm từ các loại ngũ cốc (*pubbaṇṇa dhañña*) như những loại đã nêu trong *odana* mới được xếp vào *sattu*. Bột làm từ các loại hạt khác (*aparaṇṇa dhañña*) như đậu xanh, đậu đen, mè, đậu ngựa (*horse gram*), bầu, dưa thì không được xếp vào *sattu*.
- *Maccha* là cá (thịt của các loài dưới nước).
- *Mamsa* là thịt (thịt của các loài động vật). Những món ăn được chế biến từ cá hoặc thịt cũng được xếp vào các loại này.

Để đủ điều kiện thứ nhất, chỉ cần vị Tỳ-khưu đã dùng dù chỉ một muỗng nhỏ của bất kỳ loại thực phẩm nào trong năm loại *pañcabhojana*, hoặc món ăn được chế biến từ chúng.

2. Vào thời điểm ấy, vẫn còn một phần của vật thực nói trên chưa được thọ dụng hết, dù là trong tay, trong miệng, hay trong bát của vị Tỳ-khưu. Nói cách khác, bữa ăn chưa kết thúc. Chỉ cần còn sót lại một lượng rất nhỏ, thì điều kiện này đã được hội đủ.

3. Thí chủ mang đến và có ý định dâng cúng một loại vật thực thuộc năm loại *pañcabhōjana*, hoặc món ăn được chế biến từ chúng.

4. Thí chủ đứng trong tầm với của vị Tỳ-khưu.

5. Vị Tỳ-khưu từ chối vật thực ấy, bằng hành động qua thân hoặc lời nói.

Khi năm điều kiện được hội đủ, việc từ chối vật thực (*āhāra pavāraṇa*) được xem là đã phát sinh. Sau khi việc này xảy ra, vị Tỳ-khưu không được tiếp tục thọ nhận vật thực khi vẫn ngồi tại chỗ ấy. Nếu vẫn làm thì phạm giới (*āpatti*). Ví dụ, trong khi đi khát thực buổi sáng, nếu việc từ chối vật thực đã xảy ra và vị Tỳ-khưu sau đó đổi chỗ ngồi, thì vị ấy cũng không được thọ nhận bữa ăn trưa, trừ khi thực hiện một số điều kiện theo quy định trong Luật tạng (*Vinaya Piṭaka*), và các điều kiện này phải được thực hiện cùng với một vị Tỳ-khưu khác.

Việc từ chối vật thực (*āhāra pavāraṇa*) thường xảy ra trong khi khát thực tại các gia đình. Vì vậy, thí chủ chuẩn bị và dâng thực phẩm cần đặc

biệt lưu ý giới luật này. Nếu muốn dâng thêm cơm hoặc các món khác, người thí chủ nên tránh đứng trong tầm tay của vị Tỳ-khưu. Có thể đứng xa một chút rồi hỏi bằng lời, hoặc đến gần mà chưa mang theo thực phẩm, sau đó quay lại mang thực phẩm đến dâng. Ngoài ra, cũng có thể dâng các món không thuộc năm loại thực phẩm (pañcabhōjana), nhờ vậy vị Tỳ-khưu sẽ tránh rơi vào trường hợp từ chối vật thực. Hơn nữa, nếu thí chủ đang tiến lại từ xa mà vị Tỳ-khưu đặt tay che lên bình bát, thì thí chủ nên hiểu ý của vị ấy qua hành động này và không dâng thêm thực phẩm nữa.

1.11 Làm cho thực phẩm trở thành hợp lệ (Kappiyaṃ)

Theo một điều học trong Luật tạng, Tỳ-khưu không được phép thọ nhận thực phẩm có chứa hạt, thân, chồi hoặc rễ có khả năng nảy mầm. Nếu những vật này được dâng cúng, trước hết phải được cư sĩ, sa-di làm cho trở thành hợp lệ (kappiya) theo đúng quy định của Giới luật. Quá trình này được gọi là “làm kappiyaṃ”.

Đặc biệt, cần chú ý khi dâng trái cây hoặc các món trộn có ớt tươi chưa nấu, chẳng hạn như chilli sambol, vì trong đó có thể còn hạt có khả năng nảy mầm.

Việc “làm kappiyaṃ” được thực hiện theo năm cách sau:

1. Đốt trên lửa
2. Cắt hoặc đâm bằng dao hay vật sắc nhọn
3. Giã hoặc nghiền bằng đá hay chày
4. Bẻ, làm dập bằng móng tay
5. Dâng trái cây không hạt, hoặc đã bỏ hạt, hoặc dâng trái có loại hạt không thể nảy mầm

Khi vị Tỳ-khưu nói “Kappiyaṃ karohi” (Hãy làm cho hợp lệ), người chưa thọ Cụ túc Giới nên đáp “Kappiyaṃ, bhante” (Bạch Ngài, đã làm hợp lệ) rồi dùng dao hoặc dụng cụ thích hợp cắt/đâm vào vật ấy ba lần. Lưỡi dao hoặc dụng cụ phải chạm vào và tạo ra vết cắt hoặc vết nứt trên trái cây hoặc hỗn hợp ớt. Nếu không làm vậy, việc làm kappiyaṃ không hợp lệ, và vị Tỳ-khưu không thể thọ nhận vật ấy. Hoặc, sau khi vị Tỳ-khưu nói “kappiyaṃ karohi”, người chưa thọ Cụ túc Giới có thể đáp “kappiyaṃ, bhante” rồi bẻ hoặc làm dập vật ấy bằng móng tay. (Dù Luật

tặng cho phép, nhưng cần giữ gìn vệ sinh). Một phương pháp hợp lệ khác là hơ vật ấy qua lửa.

Nếu một món cà-ri lỏng hoặc thức uống chứa hạt có khả năng nảy mầm, và khi múc ra một muống thì chỗ khuyết ấy nhanh chóng đầy lại, thì món đó không thể được làm kappiyam bằng dao cắt. (Theo cách thực hành hiện nay được các vị thầy chấp thuận, khi vị Tỳ-khưu nói “kappiyam karohi”, một dụng cụ như dao được hơ nóng; sau đó người chưa thọ Cụ túc Giới nói “kappiyam, bhante” rồi nhúng dụng cụ ấy vào chất lỏng. Như vậy được xem là đủ điều kiện làm kappiyam).

Sau khi được làm kappiyam đúng cách, vị Tỳ-khưu có thể thọ dụng những món này. Nếu hạt đã được bỏ, trái cây có thể được thọ nhận mà không cần làm kappiyam. Ví dụ, nho được cắt đôi và bỏ hạt thì không cần làm kappiyam.

Với một bát đầy trái cây chạm sát nhau, chỉ cần làm kappiyam cho một trái là đủ cho tất cả. Tuy nhiên, nếu có trái nào không tiếp xúc với các trái khác, thì trái đó phải được làm kappiyam riêng. Quy định này không chỉ áp dụng cho thực phẩm, mà còn cho tất cả các phần có khả năng nảy mầm như hạt, thân, chồi, rễ, v.v.

Khi sắc các loại thuốc thảo dược, nếu dùng những thứ có thể nảy mầm như ngò (rau mùi), thì vị Tỳ-khưu không được tự đặt nồi lên bếp. Trong trường hợp như vậy, người chưa thọ Cụ túc Giới phải làm kappiyam trước bằng một trong các phương pháp đã nêu trên.

Tương tự, nếu một thân mía tươi - vốn có thể nảy mầm - được dâng cúng, trước khi vị Tỳ-khưu cắt hoặc thọ dụng, người chưa thọ Cụ túc Giới phải làm kappiyam. Vì cây mía dài, nên chỉ cần cắt một đầu là đủ.

Lưu ý: Chỉ những vật đã được tách khỏi đất hoặc khỏi cây mới có thể làm kappiyam. Trái cây vẫn còn ở trên cây thì không thể làm kappiyam. Những chi tiết liên quan đến vấn đề này sẽ được giải thích thêm ở phần sau, trong mục “Chặt cây”.

Cần hiểu rõ rằng việc làm kappiyam không phải là hành động sinh học nhằm phá hủy khả năng nảy mầm của hạt, mà là một thủ tục theo Luật tạng (Vinaya) để làm cho vật ấy trở thành hợp lệ theo đúng pháp.

1.12 Thịt được phép và không được phép thọ dụng

Đức Thế Tôn cho phép chư Tỳ-khưu thọ nhận và thọ dụng thịt thanh tịnh theo ba phương diện, còn gọi là “tam tịnh nhục” (tikoti-pārisuddha maṃsa), tức là loại thịt được thanh tịnh theo điều kiện.

Thịt được dâng cúng phải có đủ ba điều kiện sau:

1. Vị Tỳ-khưu không thấy chúng sinh bị giết vì mục đích cúng dường cho chư Tỳ-khưu
2. Vị Tỳ-khưu không nghe rằng chúng sinh ấy bị giết vì mục đích cúng dường cho chư Tỳ-khưu
3. Vị Tỳ-khưu không nghi ngờ rằng chúng sinh ấy đã bị giết vì mục đích cúng dường cho chư Tỳ-khưu

Hội tụ đủ 3 điều kiện này, loại thịt đó được xem là thanh tịnh theo ba phương diện, và vị Tỳ-khưu dùng loại thịt đó thì không phạm giới (āpatti).

Tuy nhiên, dù thịt thanh tịnh theo ba phương diện như vậy, Đức Thế Tôn vẫn cấm mười loại thịt sau: 1. Thịt người, 2. Thịt voi, 3. Thịt ngựa, 4. Thịt chó, 5. Thịt rắn, 6. Thịt sư tử, 7. Thịt cọp (hổ), 8. Thịt báo, 9. Thịt gấu, 10. Thịt gấu Krabana.

Ngay cả khi những loại thịt này được dâng cúng, cũng không nên thọ nhận. Do vậy, khi dâng thịt, cần lưu ý những điều này để tránh phát sinh hành động bất thiện cho cả người dâng lẫn vị Tỳ-khưu.

1.13 Nấu nướng (thực phẩm)

Một vị Tỳ-khưu không được tự nấu rồi thọ dụng thực phẩm này. Tuy nhiên, việc hâm nóng lại thực phẩm đã nấu chín trước đó thì không phạm giới.

Hiện nay, các loại mì ăn liền và những thứ tương tự đã được nấu chín một lần trong quá trình sản xuất. Do đó, việc nấu lại và thọ dụng các thực phẩm này không phạm giới đối với chư Tỳ-khưu (ngoại trừ các gói gia vị đi kèm, vì có thể chứa muối sống hoặc các thành phần chưa được nấu chín).

Những món như chili sambol (một món trộn trong ẩm thực Sri Lanka), khi được trộn trực tiếp ngay trước khi ăn, cũng có thể được thọ dụng. (Trong các trường hợp này, nếu cần, phải thực hiện các thủ tục kappiyam làm cho hạt trở thành hợp lệ). Trong ngữ cảnh này, “nấu” được hiểu là đặt thực phẩm lên bếp hoặc làm nóng bằng lửa. Vì thế, khi dâng thực phẩm còn sống cho chư Tỳ-khưu, thí chủ cần lưu ý hỏi xem có ai nấu giúp hay không.

2. Những điều cần biết liên quan đến tiền

Theo Luật tạng (Vinaya) của Đức Thế Tôn, chư Tỳ-khưu hoàn toàn không được phép sử dụng tiền. Nếu có người đặt vàng, bạc, tiền xu, tiền giấy hoặc tiền tệ trước mặt một vị Tỳ-khưu và nói: “Con xin cúng dường vật này đến Ngài”, dù vị Tỳ-khưu không cầm bằng tay, không trực tiếp nhận, nhưng trong tâm khởi lên ý nghĩ: “Đây là của tôi”, thì vị ấy vẫn phạm giới (āpatti).

Vì tiền không phải là tài sản hợp pháp của chư Tỳ-khưu, nên ngay cả việc nhận tiền thay cho người khác cũng không thích hợp.

2.1 Những điều cần làm khi cúng dường tịnh tài (tiền)

Nếu một cư sĩ dâng tiền cho một vị Tỳ-khưu, hành động đúng đắn duy nhất của vị Tỳ-khưu là từ chối. Trong những vấn đề như vậy, cả Tỳ-khưu lẫn cư sĩ đều cần hết sức cẩn trọng. Có nhiều học giới (sikkhāpada) liên quan đến vấn đề này trong Giới Bốn của Tỳ-khưu (Bhikkhu Pāṭimokkha) và trong mỗi học giới ấy, sự chế định đều ngày càng nghiêm ngặt hơn, không hề được nói lỏng. Do cư sĩ thiếu hiểu biết về Giới luật, chư Tỳ-khưu rất dễ phạm giới. Vì vậy, hàng cư sĩ cần hiểu rõ cách xử lý đúng đắn các vấn đề liên quan đến tiền bạc với chư Tỳ-khưu.

Nếu có người cúng dường tiền đến một vị Tỳ-khưu, vị ấy phải từ chối. Sau khi bị từ chối, một cư sĩ hiểu biết cần hành xử theo đúng Luật tạng (Vinaya), để số tịnh tài ấy có thể được sử dụng cho tứ vật dụng cần thiết (y áo, thực phẩm, chỗ ở, thuốc men). Vị Tỳ-khưu chỉ được phép từ chối tiền, không được chỉ định bất kỳ ai nhận thay. Khi vị Tỳ-khưu đã từ chối, thí chủ nên hỏi: “Bạch Ngài, Ngài có thị giả/người hộ tăng (kappiya-kāraka) không?”. Nếu được hỏi như vậy, vị Tỳ-khưu có thể trả lời là có, nhưng vẫn không được nói thí chủ đưa tiền cho vị thị giả đó.

Sau đó, thí chủ chủ động đến gặp người hộ tăng (kappiya-kāraka) và cúng dường số tiền ấy thay cho việc hộ trì các vật dụng đến vị Tỳ-khuru. Khi ấy, người hộ tăng có thể trình lại với vị Tỳ-khuru theo cách hợp Luật như sau: “Bạch Ngài, người này đã giao cho con số tiền này để hộ trì các vật dụng cần thiết của Ngài. Nếu Ngài cần vật dụng nào, xin báo cho con biết”. Chỉ sau lời trình bạch này, vị Tỳ-khuru mới có thể yêu cầu vật dụng cần thiết thông qua người hộ tăng. Đây là thủ tục đúng đắn và thanh tịnh.

Nếu không có người hộ tăng, tiền ấy không đem lại lợi ích cho Tỳ-khuru và thí chủ phải tự mang về. Hoặc hàng cư sĩ có thể cất giữ ở nơi an toàn mà không cần bất kỳ chỉ dẫn nào từ vị Tỳ-khuru.

2.2 Mua sắm vật dụng cần thiết thông qua người hộ tăng/thị giả (kappiya-kāraka)

Khi một Tỳ-khuru đi đến cửa hàng cùng người hộ tăng, điều duy nhất vị ấy được phép nói là: “Tôi cần món đồ này”. Vị ấy không được nói: “Hãy trả tiền cho món đồ này”. Người hộ tăng (kappiya-kāraka) hiểu biết nên hiểu lời nói của Tỳ-khuru, dựa vào đó mua và dâng vật dụng đến Ngài.

Nếu vị Tỳ-khuru muốn tiền được đưa cho người khác, vị ấy không được trực tiếp nói: “Hãy đưa số tiền này cho người kia”. Vị ấy chỉ có thể nói những lời như: “Người ấy dường như đang cần một khoản như này” hoặc “Có một khoản chi như thế cần được thanh toán”.

Trong những trường hợp như vậy, trách nhiệm thuộc về người cư sĩ hiểu biết là phải hiểu đúng lời nói gián tiếp của Tỳ-khuru và hành xử phù hợp.

2.3 Cúng dường tiền cho mục đích chung

Nếu cư sĩ mang tiền đến và tác bạch: “Con xin cúng dường cho bảo tháp (stūpa), chùa hoặc cho việc xây dựng”, thì Tỳ-khuru không được từ chối.

Trong những trường hợp như vậy, Tỳ-khuru nên báo cho một người thích hợp hoặc người hộ tăng (kappiya-kāraka) rằng: “Người này đang nói như vậy”.

Tuy nhiên, trong bất cứ hoàn cảnh nào, Tỳ-khưu cũng không được tự mình nhận tiền.

2.4 Xử lý trường hợp tịnh tài bị bỏ quên

Nếu một cư sĩ để quên ví tiền hoặc làm rơi tại nơi vị Tỳ-khưu đang cư trú, vị ấy có thể cất giữ để bảo quản hoặc nhờ người khác, với tác ý: “Mong chủ nhân của món đồ đến nhận lại”.

Tuy nhiên, tiền bạc, vàng, hay các vật có giá trị tương tự không nên được giữ dưới sự sở hữu của Tỳ-khưu, cũng không nên cất trong cốc liêu - nơi các Tỳ-khưu cư trú, dù với mục đích giữ hộ.

Việc nhận hoặc sử dụng những vật không hợp Giới luật như vậy sẽ dẫn đến các lỗi phạm giới cho các Tỳ-khưu.

2.5 Trao đổi các vật phẩm không hợp Giới luật

Việc trao đổi các vật không hợp Giới luật (akappiya) là không được phép. Ví dụ: đem tiền không hợp luật để đổi lấy một bình bát hợp lệ. Trong trường hợp ấy, ngay cả bình bát đã nhận cũng trở thành không được phép đối với các Tỳ-khưu.

Cũng cần lưu ý những hình thức trao đổi không hợp luật khác. Luật tạng (Vinaya) nêu bốn trường hợp trao đổi bình bát không hợp luật như sau:

1. Nếu một vị Tỳ-khưu nhận tiền, rồi dùng số tiền ấy mua sắt và làm thành bình bát, thì bình bát ấy là vật Đại phi pháp (mahā-akappiya). Không có cách nào làm cho nó trở thành hợp luật. Nếu bình bát ấy được nung chảy và làm thành cái đĩa, nó trở thành cái đĩa không hợp luật. Nếu được làm thành con dao, nó trở thành con dao không hợp luật. Và bất cứ vật gì được cắt bằng con dao ấy cũng đều không hợp luật.
2. Nếu một vị Tỳ-khưu nhận tiền và dùng số tiền ấy để mua bình bát, thì bình bát ấy là vật không hợp luật với tất cả Tỳ-khưu (bhikkhu), Tu nữ (bhikkhuni), sa-di (sāmaṇera), sa-di-ni (sāmaṇerī), và nữ tu tập sự trước khi trở thành Tu nữ (sikkhamānā). Nếu số tiền được trả lại cho chủ và bình bát cũng được trả lại cho chủ, rồi sau đó vị Tỳ-

khuru đem một món đồ hợp luật để đổi lấy chính bình bát ấy, thì bình bát trở thành hợp luật.

3. Nếu một Tỳ-khuru nhận tiền rồi cùng người hộ tăng/thị giả đến xưởng làm bát và nói: “Bình bát kia phù hợp với tôi” và người hộ tăng/thị giả dùng số tiền ấy để lấy bình bát, thì dù việc giao dịch được thực hiện qua người hộ tăng/thị giả, bát đó cũng không hợp luật do được mua bằng tiền mà Tỳ-khuru đã nhận trước đó. Nếu Tỳ-khuru xả bỏ số tiền ấy trước, rồi sau đó người hộ tăng/thị giả dùng nó để lấy bình bát, thì món đó chỉ trở thành hợp luật với các vị Tỳ-khuru khác, không hợp luật với Tỳ-khuru đã nhận tiền ban đầu.
4. Nếu một thí chủ gửi tiền cho người hộ tăng/thị giả và nói: ‘Hãy mua bát cho Tỳ-khuru này’, sau đó vị hộ tăng/thị giả đi cùng vị Tỳ-khuru đến cửa tiệm, vị ấy chỉ vào một bình bát và nói: “Hãy lấy cái bát ấy bằng số tiền này”, thì bát ấy không hợp luật với vị ấy. Vì vị Tỳ-khuru đã nói liên quan đến tiền. Tuy nhiên, do bình bát không được mua từ số tiền do vị Tỳ-khuru này nhận, nên nó vẫn hợp luật với các Tỳ-khuru khác.

Đây là bốn trường hợp trao đổi bình bát không hợp Giới luật. Cần phải hiểu thấu đáo các vấn đề Luật tạng (Vinaya) liên quan đến tiền bạc này.

Nếu một thí chủ gửi tiền cho người hộ tăng và nói: ‘Xin hãy mua một bình bát cho vị Tỳ-khuru này’, rồi thị giả và vị Tỳ-khuru cùng đến cửa tiệm, và vị ấy chỉ chiếc bát mong muốn, còn thị giả mua, thì bình bát ấy hợp luật với tất cả.

2.6 Trao đổi các vật hợp Giới luật

Hơn nữa, ngay cả việc trao đổi các vật dụng hợp Giới luật (các vật dụng kappiya) với hàng cư sĩ cũng không được phép đối với chư Tỳ-khuru.

Ví dụ, dùng một tấm y hợp luật để đổi lấy một tấm y hợp luật khác từ cư sĩ sẽ dẫn đến phạm giới (āpatti). Trong những trường hợp như vậy, việc trao đổi các vật dụng hợp luật giữa năm hạng: Tỳ-khuru, Tu nữ, sa-di (sāmaṇera), sa-di-ni (sāmaṇerī) và nữ tu tập sự (sikkhamānā) không phạm giới. Chỉ khi việc trao đổi được thực hiện với hàng cư sĩ mới phát sinh phạm giới.

Một ví dụ của hình thức trao đổi này là việc nói: “Hãy lấy tấm y này và đưa cho tôi một cái ô (dù)”. Kiểu yêu cầu đổi một vật hợp luật này lấy một vật hợp luật khác như vậy là không được phép đối với các Tỳ-khưu.

Tuy nhiên, các Tỳ-khưu am hiểu Luật tạng biết cách xử lý đúng đắn những tình huống này mà không phạm giới. Vị ấy có thể không trực tiếp yêu cầu, mà nói rằng: “Tôi có nhiều y hơn mức cần dùng. Chúng không còn cần thiết với tôi. Nhưng tôi lại không có ô (dù). Một cái ô (dù) sẽ hữu ích cho tôi”.

Nếu cư sĩ có trí hiểu được ý tứ gián tiếp ấy và tự nguyện đem ô (dù) đến cúng dường, đồng thời nhận lại tấm y, thì ô (dù) đó trở thành hợp luật đối với vị Tỳ-khưu. Trong trường hợp này, vị Tỳ-khưu không phạm giới.

Cách làm này chỉ áp dụng cho việc trao đổi các vật hợp Giới luật (các vật dụng kappiya). Trong bất kỳ trường hợp nào, vật không hợp Giới luật (akappiya) cũng không được phép đem ra trao đổi.

Điểm này được nêu ở đây vì nó hữu ích để hàng cư sĩ hiểu rõ.

2.7 Vàng, bạc, ngọc trai và châu báu

Ngoài tiền và ngoại tệ, vàng, bạc, ngọc trai, châu báu, kim cương và những vật tương tự cũng là các món không hợp luật (akappiya) đối với các Tỳ-khưu. Việc cúng dường những vật như vậy đến các vị Tỳ-khưu là không thích hợp. Nếu những vật ấy được cúng dường nhằm sử dụng cho các công việc liên quan đến chùa, thiền viện, tịnh xá... như xây dựng, tu bổ... thì nên trình với vị Tỳ-khưu trụ trì, rồi giao các vật có giá trị ấy cho cư sĩ phụ trách những công việc đó.

2.8 Các vật không được đụng chạm đến (anāmāsa vatthu)

Anāmāsa có nghĩa là “không được chạm đến”. Thuật ngữ này gồm tất cả vật dụng mà chư Tỳ-khưu không được phép chạm vào, dù bằng tay hay bất kỳ phần nào khác của thân thể.

Đối tượng đầu tiên không được chạm đến là thân thể nữ. Không chỉ nữ nhân, mà cả các con vật giống cái cũng không được chạm vào. Ngay cả việc chạm vào mẹ ruột do tình mẫu tử cũng dẫn đến phạm giới (āpatti).

Tương tự, y phục và trang sức thuộc về người nữ cũng là những vật không được chạm đến. Một số cư sĩ, khi thỉnh các Tỳ-khưu đến nhà, trải ghế hoặc nệm ngồi cho các vị ấy bằng những tấm vải người nữ sử dụng. Những vật như vậy được xem là các vật không được chạm đến. Việc dùng chúng trong tình huống này là không thích hợp.

Tượng hình người nữ và tượng các con vật giống cái làm bằng gỗ, xi măng hoặc các vật liệu khác cũng là những vật không được chạm đến. Chạm vào những vật này, dù chỉ để mua vui, cũng dẫn đến phạm giới (āpatti).

Bảy loại ngũ cốc cũng được xem là những vật không được chạm đến, gồm: gạo lúa (hal), thóc (paddy) và các loại gạo khác, lúa mạch (yava), lúa mì (wheat), kê (millet), vara (một loại hạt cứng xuất hiện ở vùng khô), các loại hạt hoang dã, và các loại hạt thô chưa xay xát, chế biến.

Ngoài ra, các loại quả như dừa, thốt nốt, mít, các loại đậu xanh, khi còn trên cây hoặc trên dây leo để dành cho Tỳ-khưu sử dụng, cũng không thích hợp để chạm đến.

Các loại châu báu như ngọc trai, hồng ngọc, san hô, lam ngọc, vàng, bạc, và bất cứ thứ gì được xem là quý giá, như đồ trang sức làm từ những vật này, cũng thuộc nhóm không được chạm.

Tất cả vũ khí đều là những vật không được chạm đến, gồm: kiếm, cung và tên, súng, dao găm, giáo, và các vật khác dùng trong chiến đấu.

Tất cả nhạc cụ như: trống, daul (trống đeo hông truyền thống), trống đôi (thammattama), đàn dây (lute/viola), sáo cũng là những vật Tỳ-khưu không được chạm.

Chạm vào bất kỳ vật nào trong danh mục này đều khiến vị Tỳ-khưu phạm giới.

Đây chỉ là phần giải thích vắn tắt. Để hiểu chi tiết hơn về điều học này, có thể tham vấn bậc Tỳ-khưu thông thạo Luật tạng (Vinaya) hoặc tham khảo sách về Cụ túc Giới (Upasampadā Sīla).

Những vấn đề này được nêu ở đây nhằm giúp hàng cư sĩ hiểu rõ, từ đó giúp đỡ các vị Tỳ-khưu và bảo hộ các vị ấy.

3. Những điều cần biết liên quan đến y phục

Đức Thế Tôn cho phép chư Tỳ-khưu sử dụng chín loại vải thiết yếu, gồm:

- Saṅghāṭi (Tăng-già-lê): Đại y, được may bằng hai lớp vải chồng lên nhau, đây được xem là tấm y chính yếu của vị Tỳ-khưu
- Uttarāsaṅga (Uất-đa-la-tăng): Thượng y, y khoác trên, may bằng một lớp vải
- Antaravāsaka (An-đà-hội): Hạ y/nội y, tức y mặc bên trong

Ba tấm y này là trang phục thiết yếu mỗi vị Tỳ-khưu đều sở hữu.

Ngoài ra, Vassikasāṭaka là loại y dùng từ đầu cho đến cuối mùa an cư. Loại y này chỉ được phép dùng trong mùa mưa.

Các y khác còn có:

- Vassikasāṭaka: một mảnh vải chỉ dùng trong suốt mùa an cư (Vassa)
- Nisīdana: vải để lót ngồi
- Pacchattharaṇa: vải trải khi nằm nghỉ
- Kaṇḍupaṭicchādi: vải dùng khi có bệnh ngoài da, như ghẻ lở, dị ứng, v.v...
- Mukha-puñchana colā: khăn nhỏ lau mặt
- Parikkhāra colaka: các loại vải khác có chiều dài hơn một khuỷu tay (cubit) và chiều rộng hơn một gang tay

Những loại y này có thể được sử dụng một cách phù hợp tùy theo từng hoàn cảnh cụ thể.

3.1 Màu sắc của y

Dựa trên các điều học (sikkhāpada) được Đức Thế Tôn thiết lập, một số vấn đề cần thiết hàng cư sĩ cần lưu ý khi dâng cúng y phục đến chư Tỳ-khưu.

Quan trọng nhất trong số đó là màu của y.

Theo giáo pháp Luật tạng, những tấm y có màu sắc sau đây được xem là không hợp luật (akappiya) đối với chư Tỳ-khưu:

- Màu xanh dương đậm thuần túy (như màu hoa *diyaberaliya*)
- Màu vàng tươi (màu hoa *kinihiriya*)
- Màu đỏ tươi (màu hoa *baduwada*)
- Màu đỏ sẫm (màu của một loại hạt chuối đỏ)
- Màu đen
- Màu lưng con rết
- Màu lá chín (lá già vàng, đỏ)

Những màu này không thích hợp với chư Tỳ-khưu.

Do đó, hàng cư sĩ nên đảm bảo dâng cúng các loại y có màu sắc hợp luật thay vì những màu nêu trên.

Các bản văn Luật tạng (Vinaya) nêu rằng y màu nâu bùn (màu *kasata*) - pha trộn của đen, đỏ và các tông màu trầm khác - là hợp luật (*kappiya*) đối với các Tỳ-khưu. Nếu y được cúng dường có màu không hợp luật thì không được sử dụng. Những y ấy phải được giặt và nhuộm lại bằng các chất nhuộm từ thực vật (thuốc nhuộm tự nhiên) để đạt màu hợp luật.

Nếu màu sắc không thể thay đổi, thì tấm vải ấy chỉ có thể dùng làm tọa cụ (*nisīdana*), rèm, hoặc vải che cửa sổ, chứ không được dùng làm y.

3.2 Kích cỡ của y

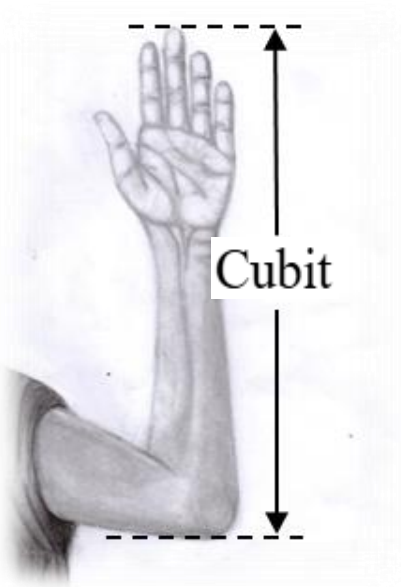
Khi dâng y đến các Tỳ-khưu, cần hết sức lưu ý về kích thước của y.

Theo Luật tạng (Vinaya) do Đức Thế Tôn chế định, một tấm y thích hợp để xác quyết (*adhiṭṭhāna*) phải có kích thước tiêu chuẩn tối thiểu.

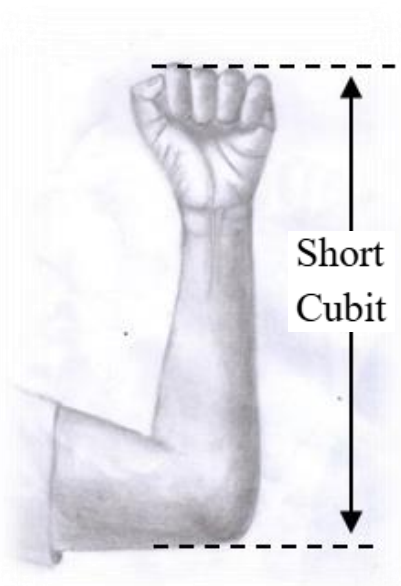
Sử dụng một tấm y nhỏ hơn kích thước chuẩn sẽ khiến việc mặc trở nên khó khăn.

Chiều dài của tấm y nên là năm gang tay (muṭṭhipañcaka), tương đương bốn khuỷu tay cộng thêm một khuỷu tay ngắn. Chiều cao (hoặc chiều rộng) của tấm y nên là ba gang tay (muṭṭhitika), tức là hai khuỷu tay cộng thêm một khuỷu tay ngắn.

Chỉ những tấm y có kích thước bằng hoặc lớn hơn tiêu chuẩn này mới được sử dụng. Nếu tấm y quá nhỏ, sẽ không thể quấn quanh thân một cách thích hợp để che phủ đầy đủ.



Một khuỷu tay (cubit) là khoảng cách từ khuỷu tay đến đầu ngón tay giữa. Việc biết rõ số đo này rất quan trọng để đo y.



Một khuỷu tay ngắn (short cubit) là khoảng cách từ khuỷu tay đến đỉnh các ngón tay khi bàn tay nắm lại. Nó ngắn hơn cubit khoảng 10 cm.

Nội y/hạ y (antaravāsaka) nên có chiều dài năm gang tay, tức bốn khuỷu tay cộng một khuỷu tay ngắn; chiều rộng nên là hai hoặc hai rưỡi khuỷu tay. Vì vậy, khi cúng dường y, cần chú ý đến kích thước. Một tấm y lớn hơn tiêu chuẩn một chút là chấp nhận được. Tuy nhiên, nếu quá lớn thì sẽ khó quấn cho thích hợp. Khi cúng dường y theo số đo khuỷu tay của chính vị Tỳ-khưu thọ nhận, thì tấm y dài năm khuỷu tay và rộng bốn khuỷu tay rưỡi nói chung là đủ để mặc đúng cách. (Đối với một Tỳ-khưu tầm vóc trung bình, không quá cao cũng không quá thấp, tấm y dài khoảng 280 cm, rộng 213 cm là đủ).

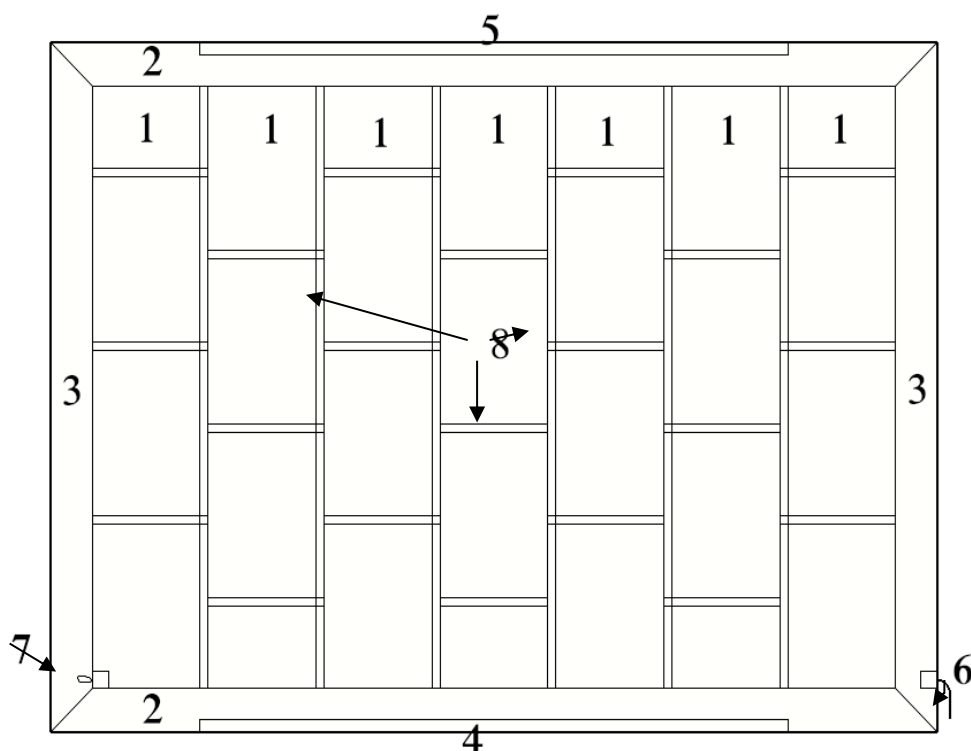
Tương tự, antaravāsaka có thể dài năm khuỷu tay và rộng từ hai đến hai rưỡi khuỷu tay. Điều này tương đương chiều dài khoảng 218 cm và rộng khoảng 102 cm).

Vì độ dài khuỷu tay thay đổi tùy theo từng người, nên tấm y cần được may theo số đo khuỷu tay của vị Tỳ-khưu thọ nhận. Đồng thời, chiều cao và vóc dáng của vị Tỳ-khưu cũng cần được cân nhắc khi chuẩn bị y.

3.3 Việc phân mảnh và cắt may y

Cắt là việc cắt tấm vải thành nhiều mảnh rồi may ghép lại. Ngày nay, khi mua y, rất khó tìm được những tấm đã được cắt và may đúng theo tiêu chuẩn truyền thống. Không được phép dùng những tấm y chưa được cắt. Các Tỳ-khưu được dạy chỉ nên mặc những tấm y đã được cắt thành năm mảnh hoặc nhiều hơn.

Theo Luật tạng (Vinaya), ba loại y cắt hợp luật gồm: nội y/y hạ đã cắt (antaravāsaka), y một lớp đã cắt và y hai lớp đã cắt. Việc mặc y không được cắt là trái với Giới luật. (Không cắt nghĩa là được làm từ một tấm vải nguyên khối duy nhất).



Ngoài ra, cấu trúc y và ô gồm các phần như sau:

- | | |
|----------------------------------|----------------------------------|
| 1. Dải (kada) | 5. Viền trên (upper hem – strip) |
| 2. Dải đứng (vertical strip) | 6. Vùng nút buộc (knot area) |
| 3. Dải ngang (horizontal strip) | 7. Vòng nút (knot loop) |
| 4. Viền dưới (lower hem – strip) | 8. Đường khâu nối (gaba) |

Phần mô tả trên là y bảy điều. Nghĩa là tấm vải được cắt thành bảy mảnh rồi may ghép lại. Số đường cắt phải là năm hoặc nhiều hơn. Theo ý kiến của các học giả, số mảnh nên là số lẻ. Nói chung, một tấm y hoàn thành như hình mẫu trên được xem là tấm y phù hợp với Luật tạng (Vinaya).

Hiện nay, ngay cả khi dâng cúng bộ tám vật dụng (aṭṭhaparikkhāra), cư sĩ cần lưu ý đến các tấm y đi kèm trong đó. Trong nhiều bộ aṭṭhaparikkhāra, các tấm y có kích thước quá nhỏ và màu sắc không thích hợp. Vì vậy, các Tỷ-khưu không sử dụng những bộ aṭṭhaparikkhāra như thế. Những ai cúng dường aṭṭhaparikkhāra với mong muốn tạo phước nên lưu ý điều này.

4. Những điều cần biết liên quan đến bình bát khất thực

Khi Đức Thế Tôn chế định các điều học (sikkhāpada) trong Luật tạng cho hàng Tỳ-khưu, Ngài tuyên bố hai loại bình bát được phép, đó là: bình bát bằng sắt và bình bát bằng đất nung.

Ngày nay, bình bát bằng đất nung hiếm khi được sử dụng, vì chúng dễ vỡ và khó tìm bình đất đúng chuẩn.

Không thích hợp dùng bình bát làm bằng vàng, bạc, gỗ, nhôm, hoặc bất kỳ vật liệu nào khác cho chư Tỳ-khưu.

Hầu hết Tỳ-khưu ngày nay sử dụng bát bằng thép không gỉ sản xuất tại Thái Lan. Những bát này có thể đặt trên lửa để tôi luyện, do đó chúng trở thành vật hợp lệ theo Luật tạng (Vinaya).

Tuy nhiên, những bát bằng thép đen không tôi luyện và các bát làm từ vật liệu thô khác không thuộc loại bình bát thích hợp theo Luật tạng (Vinaya).

Những bát này chỉ có thể dùng làm dụng cụ chứa thông thường, ví dụ để hứng nước, nhưng không được dùng làm bát cho Tỳ-khưu.

4.1 Kích cỡ của bình bát khất thực

Về kích thước, những bình bát quá lớn hoặc quá nhỏ không được xem là bình bát đúng chuẩn. Chư Tỳ-khưu chỉ được sử dụng bình bát cỡ vừa. Khoảng cách đo lường thông thường có thể phân loại như sau:

- Bát có thể chứa đủ một bữa ăn cho một Tỳ-khưu khỏe mạnh, vóc dáng cân đối được gọi là bình bát thích hợp (omaka patta).
- Bát đủ chứa phần ăn cho hai người được gọi là bát trung bình (majjhima patta).
- Bình bát đủ chứa phần ăn cho bốn người được gọi là bát lớn (ukkuṭṭha patta).
- Phần lớn bình bát hiện nay đều thuộc một trong ba loại kích thước này. Bát bằng sắt hay đất đều phải được xử lý đúng theo Luật tạng thì mới được xem là hợp luật:
- Bát sắt phải được tôi trong lửa năm lần.

- Bát đất phải được nung hai lần.

Bình bát được xử lý đúng cách như vậy có thể được xác quyết (adhiṭṭhāna) và sử dụng làm bình bát hợp luật cho Tỳ-khưu.

Hầu hết bộ tám vật dụng (aṭṭhaparikā) bán sẵn ngày nay chứa bình bát rất nhỏ, không đủ chuẩn làm bát khất thực. Đôi khi còn có bình nhôm cũng không đạt chuẩn. Chỉ những bát sắt hoặc đất đúng kích thước, được nung trên lửa, tráng dầu mè và nung lại tạo màu đen, mới được coi là bình bát đúng nghĩa.

Vì vậy, những ai muốn dâng bình bát khất thực nên cẩn trọng lựa chọn, để việc cúng dường trở thành thiện nghiệp đem lại phước báu thanh tịnh đúng Giới luật.

Trong một số trường hợp, khi không có bình bát, các Tỳ-khưu có thể phải nhận thức ăn trong các dụng cụ khác. Việc này không gây phạm giới hay tạo bất thiện nghiệp.

Do không hiểu biết, nhiều cư sĩ có thể nhầm tưởng rằng nhận thức ăn trong vật chứa khác là vi phạm Giới luật, nhưng điều đó không đúng và có thể tạo ra ác nghiệp.

5. Những điều cần biết liên quan đến giày dép

Theo lời dạy của Đức Phật, chư Tỳ-khưu không được mang giày dép như cách mà cư sĩ mang. Không được phép mang giày, dép có các màu sau:

- Xanh dương hoàn toàn
- Vàng
- Đỏ
- Vàng nhạt / màu hạt đỏ (madatiya)
- Đen
- Màu lưng con rết
- Màu xanh lá non hoặc xanh lá sẫm

Chư Tỳ-khưu cũng không được mang giày dép có viền bằng những màu kể trên.

Giày dép che kín toàn bộ bàn chân là không được phép.

Chư Tỳ-khưu cũng bị cấm mang các loại dép, sandal, giày:

- Bịt kín đến mắt cá
- Giày ống (boots), ủng
- Che kín gót chân
- Cột dây chặt
- Có lót đệm dày
- Trang trí bằng đường viền ba hoặc bốn lớp
- Trang trí bằng hình voi
- Quai dép in hoa văn dạng văn hổ
- Quai làm giống sừng nai
- Quai làm giống đuôi bọ cạp
- Trang trí bằng lông công
- Hoa văn trang trí hay cầu kỳ kiểu dáng

Do đó, khi cúng dường giày dép cho các Tỳ-khưu, cần chú ý không cúng dường giày dép nhiều màu sắc hoặc trang trí rườm rà, hoa văn phức tạp. Những vật phẩm cúng dường đảm bảo tiêu chuẩn như vậy được xem là thích hợp và đúng đắn.

6. Những điều cần biết liên quan đến ô (dù)

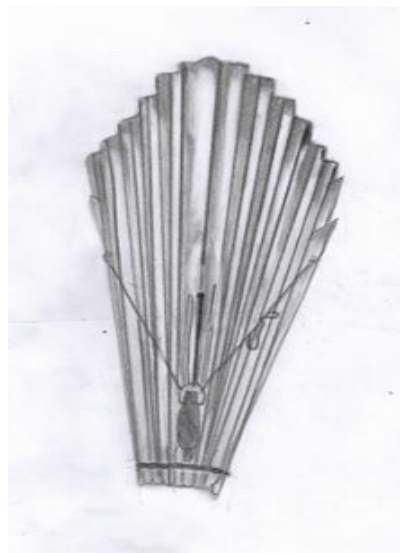
Các Tỳ-khưu được phép sử dụng bất kỳ loại dù nào, gồm màu vàng, đỏ, xanh, đen, v.v., trong phạm vi tự viện. Tuy nhiên, bên ngoài tự viện, chỉ có hai loại dù được phép sử dụng:

1. Dù làm bằng lá cọ (các loại lá cứng tương tự)
2. Dù màu trắng

Các loại dù nhiều màu, trang trí cầu kỳ, cán chạm trổ hoặc có hoa văn kiểu cách đều không phù hợp để chư Tỳ-khưu sử dụng.

Do đó, chỉ có dù màu trắng và dù làm từ lá cọ (ngày nay thường làm từ gân lá cọ hoặc vật liệu tương đương) được xem là thích hợp để sử dụng cả trong và ngoài các tự viện rừng. Vì hiện nay rất khó tìm dù làm từ lá cọ, nên việc cúng dường những vật này đã trở nên hiếm. Việc cúng dường

những chiếc dù được phép và thích hợp như vậy có thể là duyên lành, hướng đến Niết-bàn (Nibbāna).



Một chiếc dù được thiết kế để gập gọn hoặc kéo dài

7. Những điều liên quan đến việc nằm nghỉ (nghỉ ngơi hoặc ngủ)

Có hai khía cạnh liên quan đến việc nằm nghỉ cần được hiểu rõ:

1. Nằm trong nhà nơi có nam anupasampanna (người nam chưa thọ Cụ túc Giới) cư trú.
2. Nằm trong nhà nơi có người nữ cư trú.

7.1 Nằm trong nhà có người nam cư trú

Ở đây, thuật ngữ “nhà” bao gồm các loại chỗ ở khác nhau; một công trình có mái che và được bao kín hoàn toàn, hoặc phần lớn có mái che, hoặc phần lớn được bao kín. Tuy nhiên, một nơi trú tạm chỉ có mái mà không có tường, như lều hay gian nhà trống, thì không được xem là “nhà”.

Nếu một Tỳ-khưu nằm chung với một nam anupasampanna trong nhà như vậy, và việc này tiếp tục trong ba đêm liên tiếp, thì vào ngày thứ tư, sau khi mặt trời lặn, nếu Tỳ-khưu và anupasampanna vẫn đang nằm, Tỳ-khưu sẽ phạm giới (āpatti). Nếu mỗi ngày, Tỳ-khưu thức dậy và ra khỏi giường trước bình minh, thì không phát sinh lỗi. Tuy nhiên, nếu vì bất kỳ lý do nào Tỳ-khưu không thể dậy trước bình minh trong ba ngày, thì anupasampanna phải dậy thay. Nếu điều này xảy ra, Tỳ-khưu tránh được phạm giới.

Nếu nhiều nam anupasampanna nằm cùng một nhà và một Tỳ-khưu cũng nằm ở đó, thì vào đêm thứ tư sau khi mặt trời lặn, Tỳ-khưu phạm một giới cho mỗi anupasampanna có mặt. Tương tự, nếu chỉ có một anupasampanna nhưng có một trăm Tỳ-khưu nằm trong nhà, tất cả các Tỳ-khưu đều phạm giới do anupasampanna đó. Nếu vào ngày thứ ba, trước bình minh, Tỳ-khưu hoặc anupasampanna thức dậy và đứng dậy, thì không phát phạm giới.

Do đó, ít nhất cứ ba đêm một lần, vị Tỳ-khưu hoặc anupasampanna phải dậy trước bình minh. Nếu việc này được thực hiện hàng ngày, thì hoàn toàn không phát sinh lỗi. Tuy nhiên, chỉ thức dậy thôi chưa đủ; phải đứng dậy ra khỏi tư thế nằm, chuyển sang ngồi hoặc đứng. Nếu vẫn nằm dù đã tỉnh, vẫn phạm giới.

Nếu vị Tỳ-khưu ốm và không thể dậy trước bình minh, thì anupasampanna cần hiểu tình trạng này và hành xử sao cho Tỳ-khưu không phạm giới. Vì vậy, hàng cư sĩ thường xuyên thân cận với Tỳ-khưu cần lưu ý đến điều học này.

7.2 Nằm trong nhà có người nữ cư trú

Với việc nằm nghỉ trong nhà nơi có người nữ cư trú, nếu vào bất cứ lúc nào sau khi trời tối và trước khi trời sáng ngày hôm sau, một vị Tỳ-khưu và một người nữ cùng nằm trong cùng một nhà, dù ở khác phòng, vị Tỳ-khưu sẽ phạm giới. Trong trường hợp này, số ngày hay thời điểm bình minh không quan trọng, khác với quy tắc đối với người nam anupasampanna. Việc phạm giới có thể xảy ra ngay từ đêm đầu tiên, tính từ lúc trời tối.

Giới luật này cần đặc biệt lưu ý khi dọn chỗ ngồi cho chư Tỳ-khưu đến nhà để tụng kinh Paritta, hoặc sắp xếp chỗ nghỉ trong các chuyến đi.

Trong một căn nhà nhiều phòng, nếu lối ra vào chỉ qua một cửa (hoặc hai, ba cửa), và có người nữ ngủ bất cứ nơi nào trong nhà, thì vị Tỳ-khưu không được nằm ở bất kỳ phòng nào khác.

Ngay cả trong nhà nhiều tầng, nếu lối lên các tầng trên đi qua tầng dưới, việc phạm giới vẫn phát sinh. Cần lưu ý rằng, dù nhà có cửa trước và cửa sau riêng biệt, nếu các phòng bên trong chỉ thông nhau từ phía

trong, và người nữ nằm ở đâu đó trong nhà, thì vị Tỳ-khưu vẫn phạm giới.

Tuy nhiên, nếu một phòng có cửa mở trực tiếp ra bên ngoài (không qua hành lang hay hiên), thì không phát sinh lỗi, ngay cả khi có người nữ nằm trong nhà. Ở một số nhà, phòng đầu tiên có cửa mở ra ngoài nhưng vẫn nối với hiên. Trong trường hợp này, nằm trong phòng đó cũng không được phép nếu có người nữ nằm trong nhà.

Trong nhà nhiều tầng, nếu tầng trên hoàn toàn tách biệt và chỉ có thể vào từ bên ngoài, thì Tỳ-khưu có thể nằm ở tầng dưới ngay cả khi có người nữ ở tầng trên.

Trong khách sạn hoặc bệnh viện, có thể có cửa chính và các cửa nội bộ dẫn vào phòng. Ở những nơi này, Tỳ-khưu và người nữ không được nằm cùng lúc, dù ở các phòng riêng.

Sự phạm giới sahasēyyā (nằm nghỉ không đúng) có thể xảy ra dễ dàng trong nhiều tình huống như vậy. Do đó, thích hợp là bố trí một phòng nhỏ hoàn toàn tách biệt với nhà cho chư Tỳ-khưu, hoặc để người nữ không ngủ trong cùng nhà vào những đêm Tỳ-khưu lưu trú.

Theo điều luật này, việc phạm giới vẫn áp dụng ngay cả khi người nữ là mẹ hoặc chị ruột của vị Tỳ-khưu. Thậm chí, nếu đó là một bé gái vừa chào đời trong ngày, nằm nghỉ cùng nhà vẫn phát sinh phạm giới. Vì vậy, khi cúng dường chỗ ngồi hoặc chỗ nghỉ cho vị Tỳ-khưu đã thọ Cụ túc Giới, quy tắc này phải được hiểu rõ và tuân thủ nghiêm ngặt.

7.3 Nằm nghỉ ban ngày

Việc phạm giới liên quan đến nằm nghỉ được giải thích phía trên không áp dụng vào giờ nghỉ ban ngày. Do đó, ngay cả trong nhà có nam chưa thọ Cụ túc Giới hoặc người nữ, Tỳ-khưu vẫn có thể nằm nghỉ vào ban ngày mà không phạm giới.

Tuy nhiên, khi nằm nghỉ ban ngày, một yêu cầu quan trọng là phải ở nơi có cửa. Nếu đóng cửa không khó khăn, thì phải đóng. Dù cửa không khóa, cũng phải đóng lại sao cho không ai có thể chui đầu vào được.

Hàng cư sĩ dọn chỗ cho Tỳ-khưu nằm nghỉ ban ngày cần đảm bảo rằng vị trí đó được kín đáo, thích hợp. Nếu phòng hoặc chỗ mà Tỳ-khưu nằm không thể đóng cửa, thì một vị Tỳ-khưu khác hoặc một nam cư sĩ thân tín phải túc trực như người gác cửa.

7.4 Dâng chỗ ngồi, chỗ nằm cho chư Tỳ-khưu

Khi các Tỳ-khưu rời tu viện để thực hiện các công việc khác, có những lúc họ phải qua đêm bên ngoài. Trong trường hợp này, điều quan trọng mà hàng cư sĩ cần biết khi cúng dường chỗ ngủ là hai vị Tỳ-khưu không được nằm chung một giường hoặc cùng một tấm trải.

Khi ấy, cư sĩ nên cố gắng cúng dường chỗ ngủ riêng biệt. Nếu không thể, thì cần tìm giường đủ rộng cho hai người, dùng một tấm vải hoặc vách ngăn ở giữa, rồi mới dâng cúng lên chư Tăng.

Không thích hợp cúng dường nhiều hơn hai chỗ ngủ trên cùng một giường. Cho ba vị Tỳ-khưu trở lên ngủ trên một giường là trái với Giới luật (Vinaya). Vì vậy, khi cúng dường chỗ ngủ, vấn đề này cũng phải được cân nhắc kỹ lưỡng.

Một vấn đề quan trọng khác là khi chư Tỳ-khưu đi xe buýt; nếu người nữ ngồi cạnh vị ấy trên cùng một ghế, sẽ phát sinh phạm giới. Ngay cả trên ghế dài đủ cho ba người, cũng không thích hợp để một người nữ ngồi cùng ghế với vị Tỳ-khưu.

8. Những điều cư sĩ cần biết khi đến gần chư Tỳ-khưu

8.1 Ở riêng với người nữ

Nếu một Tỳ-khưu trò chuyện hoặc tham gia các hoạt động tương tự với người nữ trong chốn riêng tư, vị ấy có thể phạm giới. Do đó, khi đến tự viện, người nữ nên đi cùng một nam giới hiểu biết và khôn ngoan.

“Hiếu biết và khôn ngoan” ở đây là chỉ người - dù là trẻ em hay đàn ông trưởng thành - hội đủ điều kiện: có khả năng nghe và nhìn, không bị khuyết tật về tâm thần, có khả năng hiểu sự việc mà không gặp khó khăn.

Người đi cùng này phải ở cách xa tối đa mười hai khuỷu tay (khoảng 5,5 m) hoặc ít nhất phải trong phạm vi nghe được.

Nếu người đó đang ngủ, thì không đạt điều kiện. Người đi cùng phải thức và chú ý, có khả năng nhận biết những gì đang xảy ra.

Khi có người như vậy, vị Tỳ-khưu có thể nói chuyện với người nữ mà không phạm giới.

8.2 Người nữ chạm vào thân một vị Tỳ-khưu

Khi một Tỳ-khưu đến khám bệnh, nếu bác sĩ là nữ và người ấy chạm vào thân thể vị Tỳ-khưu, thì tùy theo tác ý tâm của vị Tỳ-khưu ấy, có thể phát sinh phạm giới.

Tuy nhiên, nếu bác sĩ ấy biết cách giúp vị Tỳ-khưu giữ gìn Giới luật, thì việc bảo hộ giới hạnh của vị ấy trở nên dễ dàng hơn.

Trong những trường hợp như vậy, nếu bác sĩ hoặc y tá sử dụng găng tay để không xảy ra tiếp xúc da trực tiếp, vị Tỳ-khưu có thể tránh được sự nghi ngại liên quan đến Giới luật.

Tương tự, các Tỳ-khưu không buộc chỉ hộ trì (paritta thread) vào tay người nữ, vì việc này có thể dẫn đến sự tiếp xúc thân thể.

Vì vậy, người nữ cần hiểu rõ điều này và ứng xử sao cho thích hợp.

8.3 Sắp xếp việc đi lại chung với người nữ

Một vị Tỳ-khưu đi du hành chung với một người nữ là không thích hợp.

Trong những trường hợp như vậy, nếu người nữ sắp xếp và thông báo rõ ràng kế hoạch cho vị Tỳ-khưu, thì vị ấy không phạm giới.

Tuy nhiên, không thích hợp để chính Tỳ-khưu là người lập kế hoạch và thông báo ngày giờ hoặc lộ trình cho người nữ.

Khi các nữ cư sĩ hoặc ni chúng sắp xếp các chuyến hành hương hay chuyến đi, cần lưu ý quy tắc này.

Thêm nữa, nếu các Tỳ-khưu bị hàng cư sĩ sai bảo hoặc chỉ định trong một số việc, điều này có thể dẫn đến các hành động bất thiện (akusala) cho phía cư sĩ. Vì vậy, vấn đề này cũng cần được cân nhắc cẩn trọng.

8.4 Phép tắc ứng xử của cư sĩ tại nơi lưu trú của chư Tăng

Một điều quan trọng khác là sơ suất đôi khi xảy ra khi hàng cư sĩ vào các tịnh thất (kuṭi) hay trú xứ của chư Tỳ-khưu. Không thích hợp đi vào nơi ở của Tỳ-khưu rồi tùy ý sử dụng các vật dụng ở đó. Mọi việc nên được thực hiện với sự cho phép của Tỳ-khưu đang cư trú ở đó.

Việc mở hoặc đóng cửa, bật hoặc tắt đèn, và tất cả những hành động tương tự chỉ nên thực hiện sau khi xin phép, để duy trì sự tôn kính đối với Tỳ-khưu.

Khi dọn dẹp tịnh thất hoặc trú xứ, cần cố gắng đặt các vật dụng trở lại vị trí ban đầu. Ngay cả việc trả lại chổi hoặc xô nước về chỗ cũ cũng giúp Tỳ-khưu dễ dàng thực hiện các sinh hoạt hàng ngày mà không bị trở ngại.

Hàng cư sĩ chỉ được sử dụng các thiết bị, dụng cụ trong tịnh thất của chư Tỳ-khưu khi có sự cho phép của vị ấy. Một số cư sĩ đi vào nơi cư trú của chư Tăng và ngồi lên giường, ghế của các Ngài. Những hành động như vậy không chỉ làm giảm sự tôn kính đối với Tỳ-khưu, mà còn có thể tạo nghiệp bất thiện cho cư sĩ.

Ngay cả khi sử dụng các vật dụng trong tu viện, phải đảm bảo giữ gìn sạch sẽ.

Nếu có thể, nên tránh sử dụng nhà vệ sinh dành riêng cho chư Tỳ-khưu và tìm nơi khác. Luôn bảo đảm không làm hư hại tài sản thuộc về Tăng đoàn (Saṅgha).

Trong Tam tạng (Tipiṭaka), nhiều câu chuyện về những người phải chịu khổ trong luân hồi (saṃsāra) do làm hư hại tài sản của Tăng đoàn.

Một điểm quan trọng cuối cùng là khi đến gặp các Tỳ-khưu tại trú xứ, hàng cư sĩ cần có sự cung kính, chùng mực và đúng thời, thuận tiện cho Tăng đoàn.

Một điều quan trọng khác là cần chú ý y phục của mình, giữ thái độ đoan nghiêm khi đến gần các Tỳ-khưu.

Khi cúng dường, người nữ nên buộc tóc gọn gàng, bảo đảm không để tóc rơi rụng.

Khi đến gần các vị Tỳ-khưu, cư sĩ không nên đứng quá sát đến mức gây khó chịu cho các Ngài.

Sự an ổn và thoải mái của các Tỳ-khưu phải luôn được đặt lên hàng đầu.

9. Những điều cần biết liên quan đến đào đất và chặt cây

9.1 Đào đất

Có những cách được phép và không được phép khi một Tỳ-khưu tự đào đất, sai người khác đào, tự đốt bằng lửa, hoặc sai người khác đốt.

Ví dụ, khi một Tỳ-khưu cần một cái hố, vị ấy phải nhờ một người anupasampanna (người chưa thọ Cụ túc Giới) thực hiện. Trong trường hợp này, nếu vị Tỳ-khưu chỉ vào một chỗ và nói trực tiếp: “Hãy đào một cái hố ở đây”, hoặc “Hãy đào chỗ này” thì sẽ phạm giới. Vì theo Luật tạng (Vinaya), đó được xem là hành vi không thích hợp.

Trong những tình huống như vậy, vị Tỳ-khưu nên nói gián tiếp như: “Dường như ở đây cần một cái hố”, “Nếu làm một cái hố ở đây thì tốt”, “Ở đây có nhu cầu về một cái hố” hoặc “Con hãy xem thử ở đây có cần một cái hố không”.

Sau đó, người anupasampanna có trí nên hiểu ý và hành động phù hợp.

Phương pháp tương tự cũng áp dụng khi đào rãnh thoát nước hoặc tạo hố trên mặt đất. Tất cả đều phải được thực hiện theo cách nói gián tiếp như vậy.

9.2 Chặt cây

Một vị Tỳ-khưu không nên chặt cây, hái hoa, quả, bẻ lá, nhổ cây con, làm hư vỏ cây, bóc vỏ cây hay bất kỳ hành vi tương tự. Cũng như vậy, đốt cây hoặc đốt dây leo cũng không được phép. Ngay cả việc rung cây như cây sepalika để lấy hoa cũng không được phép.

Khi yêu cầu một người anupasampanna (sa-di hoặc cư sĩ) thực hiện những việc này, phải nói gián tiếp, giống trường hợp đào đất. Tỳ-khưu không được ra lệnh trực tiếp.

Nếu vị Tỳ-khưu cần chặt một cành cây, vị ấy nên nói những lời như: “Cành này cần được xem xét”, “Sư có việc cần dùng cành này”, “Cành này đang gây cản trở”, “Cành này không có ích ở đây”.

Nghe vậy, người anupasampanna có trí nên hiểu ý và hành động phù hợp.

Nếu cành cây đã được người anupasampanna chặt xuống nhưng còn vướng vào dây leo, vị Tỳ-khưu không được kéo nó xuống. Vì khi kéo có thể làm đứt các dây leo khác, dẫn đến phạm giới. Trường hợp này phải để người anupasampanna xử lý.

Khi cành đã hạ xuống và nằm trên đất, vị Tỳ-khưu có thể mang đi nơi khác. Tuy nhiên, nếu cành ấy còn khả năng nảy mầm trở lại, thì việc chặt nhỏ thành từng phần cũng không được phép. Những việc đó phải do người chưa thọ Cụ túc Giới thực hiện.

Sau đó, Tỳ-khưu có thể lấy các phần đã được chặt và tách đúng cách để sử dụng khi cần. Nếu cành lớn, người anupasampanna có thể chặt mà không cần nhắc lên. Nếu là que khô không còn khả năng nảy mầm, thì không cần ra hiệu, ám chỉ cắt theo đúng luật.

Một khi vật đã được cắt hợp lệ một lần, tất cả Tỳ-khưu đều có thể tiếp tục cắt hoặc sử dụng. Tuy nhiên, nếu sau đó lá hoặc rễ mọc lại, thì được xem là đã thay đổi, và cần cắt lại lần nữa. Ví dụ, nếu gừng được cắt rồi để vài ngày, có thể nảy mầm trở lại; khi ấy cần cắt mới. Ngay cả các vật như thực vật nổi trên nước (ví dụ tảo, bèo), Tỳ-khưu cũng không được tự vớt bỏ. Những việc này đều phải do người chưa thọ Cụ túc Giới thực

hiện. Nguyên tắc tương tự áp dụng đối với rêu và cỏ dại trong môi trường ẩm ướt.

Điều học (sikkhāpada) này được chế ra không phải vì việc chặt cây gây hại trực tiếp, mà vì người đời có thể phiền lòng và khởi tâm bất thiện đối với Tăng đoàn. Vào thời Đức Phật, cây cối và dây leo được xem là có mạng sống đơn căn (ekindriya pāṇī). Do đó, nếu thấy chư Tỳ-khưu chặt chúng, người ta có thể hiểu lầm rằng vị ấy đang sát hại sinh mạng.

Để ngăn ngừa những lời cáo buộc như vậy và bảo hộ người khác khỏi tạo nghiệp bất thiện, Đức Phật đã chế định điều luật này.

Dù ngày nay, người ta có thể không còn đưa ra những lời cáo buộc như thế, quy tắc do Đức Phật thiết lập vẫn không thay đổi. Bốn phạm của các Tỳ-khưu là gìn giữ và hành trì điều giới ấy.

Một số người thiếu hiểu biết khi thấy lối sống tiết chế như vậy liền nói: “Các vị Tỳ-khưu làm những việc vô ích” và do đó khởi tâm bất thiện. Vì vậy, trợ giúp các Tỳ-khưu gìn giữ Luật tạng (Vinaya) và các điều học này sẽ đưa đến phước báu vô lượng.

10. Những điểm quan trọng liên quan đến thuốc

Khi một vị Tỳ-khưu lâm bệnh, nếu các cư sĩ thuần thành cúng dường đầy đủ các loại thuốc cần thiết thì đó là sự trợ giúp to lớn. Nếu sự hỗ trợ ấy không được cư sĩ chủ động thực hiện, theo Luật tạng (Vinaya), Tỳ-khưu bị bệnh được phép thỉnh cầu các loại thuốc cần thiết từ bất kỳ người nào có khả năng, ngay cả khi chưa được thỉnh mời trước đó.

Vì vậy, khi một Tỳ-khưu bị bệnh yêu cầu thuốc men, việc trợ giúp mà không khởi tâm bất thiện được xem là một thiện hạnh cao quý.

10.1 Việc thỉnh cầu

Nếu một vị Tỳ-khưu có nhu cầu về tứ vật dụng (cīvara - y áo, piṇḍapāta - vật thực, senāsana - chỗ ở, gilānapaccaya - thuốc), vị ấy không được phép thỉnh cầu từ bất kỳ ai. Theo Luật tạng (Vinaya Piṭaka), Tỳ-khưu chỉ có thể thỉnh cầu một số đối tượng giới hạn, đó là: cha mẹ, thân quyến huyết thống và người hộ Tăng đã được chỉ định (kappiya-kāraka).

Ngoài những người này, vị ấy cũng có thể thỉnh cầu từ những thí chủ đã tác bạch cúng dường (pavāraṇā) từ trước, tức là lời mời chính thức của cư sĩ về việc vị Tỳ-khưu yêu cầu các vật dụng cần thiết. Nếu chưa có pavāraṇā như vậy, vị Tỳ-khưu không thích hợp để thỉnh cầu các vật dụng thông thường. Tuy nhiên, nếu bị bệnh, vị ấy có thể xin thuốc ngay cả khi chưa có lời thỉnh mời trước đó, nhưng không được yêu cầu các vật dụng khác.

Lời thỉnh mời (pavāraṇā) này nên được đưa ra trong phạm vi khả năng của thí chủ. Ví dụ, thí chủ có thể nói: “Bạch Sư, nếu Sư cần gì xin hãy cho con biết”. Hoặc giới hạn theo thời gian: “Bạch Sư, nếu trong ba tháng tới Sư cần gì xin hãy báo cho con”. Hoặc giới hạn theo loại: “Nếu Sư cần y, xin hãy cho con biết”.

Cũng có thể đưa ra mà không giới hạn thời gian, như: “Bạch Sư, trọn đời này, nếu Sư cần gì, xin hãy nói với con”. Nếu lời thỉnh mời không được tác bạch rõ ràng, về sau vị Tỳ-khưu có thể gặp khó khăn hoặc lúng túng.

Một số cư sĩ, dù đã đưa ra lời thỉnh mời khi gặp vị Tỳ-khưu, nhưng khi vị Tỳ-khưu thỉnh cầu lại không thể thực hiện. Có người còn tránh không gặp lại vị Tỳ-khưu, khiến vị ấy gặp khó khăn. Vì vậy, nên phát lời thỉnh mời một cách thận trọng, đúng với khả năng thực tế, để vị Tỳ-khưu có thể nương tựa mà không do dự. Ngược lại, nếu không thể hoặc không muốn phát lời thỉnh mời như vậy thì cũng không có lỗi. Việc này hoàn toàn tự nguyện.

11. Những điều cần biết về các vật dụng thuộc sở hữu Tăng đoàn (Saṅgha)

Các vật dụng thuộc sở hữu của Tăng đoàn (saṅghika parikkhāra) là những vật thuộc quyền sở hữu chung của Tăng đoàn (Saṅgha). Nhiều người không biết trân trọng, tôn kính các tài sản này, có hành vi bất cẩn với chúng nên đã tích lũy nghiệp bất thiện.

Tài sản của Tăng đoàn được chia thành hai loại:

1. Vật dụng trọng yếu (Garū bhaṇḍa)
2. Vật dụng không trọng yếu (Lahū bhaṇḍa)

11.1 Vật dụng trọng yếu (Garū Bhaṇḍa)

Vật dụng trọng yếu (garū bhaṇḍa) là những vật mà một khi đã được cúng dường cho Tăng đoàn như vật dụng chung, thì không thể dùng làm tài sản riêng. Những vật này được xem là tài sản thuộc Tăng đoàn lâu dài. Khi sử dụng, cư sĩ phải thực hiện với sự tỉnh giác và tôn kính. Các vật này được phân thành 5 nhóm, tổng cộng 25 loại.

1. Tu viện và tài sản tu viện (ārāma - ārāma-vatthu): Tu viện gồm đất đai, ruộng vườn hoặc tài sản đã được cúng dường chính thức cho Tăng đoàn (Saṅgha). Tất cả những thứ có trên phần đất ấy như cây cối, công trình, đất, đá... đều được gọi là tài sản tu viện.
2. Tịnh xá và vật dụng tịnh xá (vihāra - vihāra-vatthu): Khi một công trình được cúng dường chính thức làm tịnh xá (vihāra), nó trở thành tài sản chung của Tăng đoàn. Tất cả bàn ghế, vật dụng cố định và các đồ liên quan trong tịnh xá ấy đều là vật dụng của tịnh xá, tức thuộc sở hữu của Tăng đoàn.
3. Giường, ghế, nệm và gối: Khi những vật này được cúng dường cho Tăng đoàn, chúng không thể trở lại thành tài sản cá nhân. Các vật như bàn, tủ, kệ... nếu được cúng dường chung cho Tăng đoàn cũng thuộc nhóm này.
4. Các vật bằng kim loại và dụng cụ: Những vật như nồi, bình, ấm, vạc, rìu, cuốc, cùng các dụng cụ đào đất và đồ tương tự, khi cúng dường cho Tăng đoàn phải được sử dụng cho công việc chung của Tăng đoàn.
5. Vật liệu xây dựng và vật liệu tự nhiên: Dây leo, mây, tre, các loại cỏ (như muṇja), những loại cỏ dùng lợp mái, đất sét, các vật bằng gỗ, các vật làm bằng đất, và những vật liệu tương tự đều thuộc loại vật dụng trọng yếu (garū bhaṇḍa). Điều này bao gồm lau sậy, lá dừa, lá cọ, rơm... dùng lợp mái, nếu đã được cúng dường chính thức cho Tăng đoàn thì không được lấy dùng riêng.

Tất cả các điều trên gộp lại thành 25 loại được xếp vào garū bhaṇḍa.

11.2 Vật dụng không trọng yếu (Lahu Bhaṇḍa)

Lahu bhaṇḍa là các vật dụng nhỏ, nhẹ. Những vật như xà phòng, sách, bút mực, bút chì và các vật tương tự, nếu được cúng dường chung cho chư Tăng, thì sau khi Tăng thực hiện tác pháp theo Luật (vinaya-

kamma), có thể được phân định để sử dụng cá nhân. Tuy nhiên, ngay cả khi được phân định như vậy, các vật ấy vẫn thuộc sở hữu của Tăng đoàn (Saṅgha).

Khi cư sĩ dùng những vật dụng loại này, chỉ nên dùng khi có sự cho phép của chư Tăng đang cư trú tại trú xứ ấy.

Trong hai loại này, vật dụng trọng yếu (garu bhaṇḍa) không thể chuyển thành sở hữu riêng. Do đó, hàng cư sĩ cần đặc biệt cẩn trọng khi sử dụng chúng.

11.3 Việc sử dụng tài sản Tăng đoàn (Saṅghika)

Ngay cả cây cối và dây leo trong phạm vi tu viện (nơi chư Tăng cư trú) cũng được xem là tài sản của Tăng đoàn. Vì vậy, việc nhổ cây, hái hoa, quả, chặt gỗ trong khuôn viên ấy tương đương việc làm hư hại tài sản Tăng đoàn, và tạo nên bất thiện nghiệp nặng. Phá hoại tài sản Tăng đoàn không phải là một lỗi nhẹ. Cần phải hết sức thận trọng và tỉnh giác.

Khi bước vào các trú xứ của chư Tăng (cốc, thiền đường), không nên: đi giày dép vào trong, đi vào khi chưa rửa chân, đi vào với chân còn ướt. Những hành động như vậy có thể làm bẩn hoặc gây hư hại nơi cư trú, dẫn đến nghiệp bất thiện.

11.4 Vật dụng cá nhân của một vị Tỳ-khưu đã viên tịch

Khi một Tỳ-khưu viên tịch, tất cả các vật dụng cá nhân của vị ấy tự động trở thành tài sản của Tăng đoàn (Saṅgha). Không một vị Tỳ-khưu nào, thậm chí người thân của vị ấy, có quyền nhận sở hữu riêng. Những vật này chỉ có thể trở lại thành tài sản cá nhân nếu Tăng đoàn thực hiện tác pháp theo Luật (vinaya-kamma) để phân chia một cách hợp pháp.

Một số người lầm tưởng rằng khi một vị Tỳ-khưu qua đời, các vật dụng của vị ấy trở thành vô chủ và có thể sử dụng tùy ý. Tuy nhiên, vì chúng thuộc về Tăng đoàn, việc sử dụng những vật ấy khi chưa đúng thủ tục là phạm lỗi và cần phải tránh.

Nếu trước khi viên tịch, vị Tỳ-khưu cho người khác một vật nào đó, thì vật ấy không thuộc Tăng đoàn. Chúng được xem là tài sản hợp pháp của người nhận và có thể sử dụng tự do.

12. Những điểm trọng yếu về thỉnh mời an cư kiết hạ và lễ dâng y Kathina

12.1 Thỉnh mời nhập hạ (Vassa Ārādhana)

Cư sĩ thỉnh mời chư Tăng an cư kiết hạ (Vassa) cần thực hiện với sự hiểu biết đúng đắn. Trình tự các bước như sau:

Lễ thỉnh an cư kiết hạ (vassa ārādhana) lý tưởng nên được thực hiện trước ngày trăng tròn tháng Āsāḷha (tháng 7 dương lịch). (Dù ngày nay thường làm đúng ngày ấy, nhưng thực ra có thể tiến hành vào bất kỳ ngày nào trước khi chư Tăng nhập hạ). Vào ngày đó, thí chủ nên đến tu viện nơi muốn thỉnh mời và cung kính thưa với chư Tăng rằng:

“Kính bạch chư Đại đức Tăng, ngưỡng mong (các) Ngài an cư (nhập hạ) trong tu viện (chùa, trú xứ) này trong ba tháng để tu tập các phẩm hạnh cao thượng. Nếu trong thời gian ấy, nếu phát sinh nhu cầu nào, xin Ngài cho con biết. Con sẽ cúng dường trong khả năng của mình”.

Trước khi phát lời thỉnh mời như vậy, thí chủ nên kiểm tra tịnh thất, nơi cư trú vị Tỳ-khưu sẽ ở, bảo đảm rằng nơi ấy thích hợp và thuận tiện cho ba tháng an cư. Nếu có điều gì bất tiện - chẳng hạn mái bị dột - cần được sửa chữa thích đáng. Đây là những bốn phận chuẩn bị trước mùa an cư, không phải chỉ là nghĩa vụ vì lễ dâng y Kathina.

Trách nhiệm tối thượng của người thỉnh vị Tỳ-khưu an cư là bảo đảm vị ấy có thể an tâm tu tập trong suốt ba tháng. Nếu thí chủ không có thời gian trực tiếp chăm lo, nên chỉ định một người đáng tin cậy khác thay mình đảm trách.

Theo truyền thống, khi thỉnh an cư, có cúng dường y tắm mưa (vassika-sāṭaka). Đây là tắm vải để các Tỳ-khưu sử dụng khi tắm. Lý tưởng nhất là tắm vải dài khoảng năm khuỷu tay rưỡi, bằng chất liệu không xuyên thấu. Nếu khó tìm được loại vải như vậy, có thể cúng dường

một tấm y hạ (antaravāsaka). Sau khi cúng dường tấm vải này và chính thức thỉnh mời, thí chủ đảm nhận trách nhiệm chu toàn các bốn phận trong suốt kỳ an cư.

12.2 Bốn phận sau khi Thỉnh mời chư Tăng An cư nhập hạ (Vassa Ārāḍhanā)

Sau khi thỉnh chư Tăng nhập hạ, có nhiều trách nhiệm cần được thực hiện:

Nếu vị Tỳ-khưu nào đã nhận lời an cư mà lâm bệnh, các nhu cầu của vị ấy phải được chăm sóc đầy đủ, không được bỏ bê. Nếu vào ngày nào đó việc đặt bát (dāna) bị thiếu, cần sắp xếp để thức ăn được dâng cúng đầy đủ hàng ngày. Hoặc chính thí chủ đã phát lời thỉnh mời nên tự mang vật thực đến trong những ngày như vậy.

Trong suốt mùa an cư, cần cố gắng bảo đảm điện, nước và các nhu yếu khác đầy đủ, để các vị Tỳ-khưu không gặp bất tiện. Thí chủ nên sẵn sàng chu toàn cả những việc nhỏ lẫn việc lớn cần thiết cho chư Tăng trong thời gian này.

Một điểm quan trọng cần lưu ý là những trách nhiệm này không chỉ thuộc riêng người đã thực hiện lễ thỉnh an cư (Vassa ārāḍhanā). Đúng hơn, đó là trách nhiệm chung của tất cả cư sĩ có liên hệ và thọ hưởng lợi ích từ tu viện. Nhiều người lầm tưởng rằng chỉ người thỉnh an cư mới phải đảm nhận tất cả công việc này. Thực ra, mọi người gắn bó với tu viện đều nên cùng nhau chia sẻ trách nhiệm. Tuy nhiên, nếu không ai khác đảm nhận, thì trách nhiệm bảo đảm đầy đủ các nhu cầu sẽ thuộc về người đã phát lời thỉnh mời.

12.3 Lễ dâng y Kaṭhina (Kaṭhina Cīvara Pūjā)

Sau khi kết thúc ba tháng an cư (Vassa), thiện sự tiếp theo cần thực hiện là dâng y Kaṭhina (Kaṭhina-cīvara-pūjā). Thuật ngữ “kaṭhina” chỉ tấm y được cúng dường đến chư Tăng mà không kèm theo điều kiện hay mong cầu nào trước.

Tại tu viện nơi chư Tăng đã an cư, việc dâng y Kaṭhina chỉ được hướng đến những vị đã thực hiện an cư trọn vẹn kỳ Tiền an cư

48 12. Những điểm trọng yếu về thỉnh mời an cư kiết hạ và lễ dâng y Kaṭhina

(purimavassa-samādāna). Một vị Tỳ-khưu thuộc trú xứ ấy không được phép sắp đặt hay chỉ định việc dâng y Kaṭhina bằng cách nói: “Y Kaṭhina nên như thế này” hoặc “màu thế này”, “kích thước thế kia”. Vì y Kaṭhina phải được cúng dường một cách tự do, không có sự chấp trước hay yêu cầu cụ thể từ phía chư Tăng.

Tuy nhiên, nếu cư sĩ thừa hỏi về chi tiết của y Kaṭhina, chư Tăng được phép giải thích và hướng dẫn về kích thước y, màu sắc và loại vải thích hợp. Ngoài ra, nếu có ý định tổ chức các Phật sự trong mùa Kaṭhina, cư sĩ có thể thỉnh ý chư Tăng tại trú xứ ấy để biết điều gì là thích hợp và cần thiết.

Điều quan trọng là, nếu chỉ một vị Tỳ-khưu tại tu viện ấy tự ý đưa ra chỉ dẫn hoặc can thiệp vào việc sắp xếp Kaṭhina khi chưa được hỏi, thì toàn bộ lễ dâng y Kaṭhina trở thành không hợp luật (akappiya) đối với toàn thể Tăng chúng cư trú tại đó. Vì vậy, cả chư Tăng và hàng cư sĩ hộ trì cần hành xử cẩn trọng, cung kính và đúng theo các quy định của Luật tạng (Vinaya) trong kỳ lễ trang nghiêm này.

13. Nghi thức đánh lễ (vandanā) - Những điểm cần biết

Trong Tăng chúng, việc đánh lễ và bày tỏ tôn kính cần thực hiện theo thứ bậc trưởng thượng. Trong bối cảnh Tăng đoàn, thứ bậc này không dựa vào tuổi đời, mà dựa vào ngày thọ Cụ túc Giới (upasampadā). Khi tham dự lễ đặt bát, tụng kinh chúc phúc, hoặc đi khất thực, chư Tăng luôn đi theo thứ tự Hạ lạp dựa trên ngày thọ giới.

Khi hàng cư sĩ đánh lễ chư Tăng, nếu biết thứ tự Hạ lạp của các vị, nên đánh lễ theo đúng thứ tự ấy. Làm như vậy giúp tránh sự bất tiện hoặc lúng túng giữa vị Tỳ-khưu. Nếu không biết thứ tự, nên cung kính thưa hỏi trước khi đánh lễ.

Mọi người đánh lễ Phật, Pháp, Tăng bằng nhiều cách, nhưng cách đúng là theo năm vóc chạm đất (pañcaṅga-vandanā). Nghĩa là hai đầu gối, hai khuỷu tay và trán chạm đất khi đánh lễ. Làm như vậy giúp tăng trưởng phước thiện (kusala). Hình thức này cũng thích hợp khi đánh lễ Tăng đoàn.

Nếu khó thực hiện kiểu đánh lễ này, thì biểu lộ sự cung kính theo cách phù hợp nhất vẫn được xem là thích hợp. (Lưu ý: điều này không phải là quy định trong Luật tạng, mà được nêu để giúp hiểu rõ hơn).

Dưới đây là hướng dẫn tổng quát về tư thế đúng khi thực hiện đánh lễ năm vóc chạm đất (*pañcaṅga-vandanā*).



13.1 Những trường hợp không nên đánh lễ

Nếu một vị Tỳ-khưu đang nhận vật thực, đang làm công việc khác, đang nghỉ ngơi, hoặc không biết có người sắp đánh lễ, thì không nên đánh lễ vào lúc ấy.

Chỉ nên đánh lễ khi Tỳ-khưu đang ở trong tình huống có thể hướng tâm đến hành động đánh lễ.

14. Những điểm quan trọng khi nghe Pháp

14.1 Thuyết Pháp cho người nữ

Theo Luật tạng (Vinaya), không thích hợp để một vị Tỳ-khưu thuyết pháp tại nơi chỉ có người nữ mà không có sự hiện diện của một nam giới có trí.

Nếu một vị Tỳ-khưu thực hiện bất kỳ Phật sự nào như dâng hoa cúng Phật (Buddha pūjā), hướng dẫn lễ đánh lễ Phật (Buddha vandana), hoặc thuyết pháp, khi chỉ có người nữ hiện diện, vị ấy sẽ phạm giới (*āpatti*). Vì vậy, người nữ tham dự những Phật sự này nên bảo đảm có

một nam giới có trí, hoặc ít nhất một nam thiếu niên trưởng thành đi cùng, giúp Tỳ-khưu tránh phạm Giới luật.

Trong một số trường hợp, các nữ cư sĩ mang vật thực (dāna) đến chùa mà không có nam giới đi cùng. Khi ấy, nếu một vị Tỳ-khưu thực hiện lễ cúng dường Phật (Buddha pūjā) hoặc tụng Kinh Chúc phúc (Paritta), vị ấy có thể phạm giới. Đôi khi người nữ dẫn theo các bé trai nhỏ, nhưng điều đó không đáp ứng yêu cầu. Cần có một nam giới có trí đi cùng. Vì vậy, việc này cần lưu ý và tuân thủ các thực hành nêu trên.

14.2 Nghe Pháp với sự cung kính

Khi một vị Tỳ-khưu thuyết Pháp, người nghe cần tuân thủ một số thực hành quan trọng. Việc hiểu biết và thực hành những điều này giúp bảo hộ Giới luật (Vinaya) của vị Tỳ-khưu, làm tăng trưởng sự tôn kính đối với Pháp, hỗ trợ thiện tâm phát sinh và ngăn ngừa tâm bất thiện.

Không thích hợp khi một vị Tỳ-khưu thuyết Pháp cho người đang mang giày dép, trừ khi người nghe đang bị bệnh. Quy tắc này được thiết lập nhằm biểu lộ sự tôn kính đối với Pháp. Vì vậy, khi thảo luận vấn đề Pháp hoặc đặt câu hỏi liên quan đến Pháp với vị Tỳ-khưu, nên tháo giày dép trước. Như vậy, vị ấy có thể giảng dạy mà không phạm Giới luật.

Tương tự, vị Tỳ-khưu không nên tụng Pháp hoặc tụng Kinh Chúc phúc (Paritta) cho người đang nằm, trừ khi người ấy thực sự bị bệnh. Nếu không bị bệnh, người nghe nên ngồi dậy khỏi giường trước khi nghe. Đối với người đang nằm điều trị trong bệnh viện, việc này không gây phạm giới.

Cũng vậy, không nên thuyết Pháp cho người đang cầm ô (dù) kể cả đã gập lại, trừ khi họ đã đóng lại và đặt xuống đất. Cũng không thích hợp thuyết Pháp cho người trùm đầu bằng vải, quần khăn, đội mũ. Trước khi tham gia thảo luận Pháp, nên bỏ vật che đầu để thể hiện sự tôn kính.

Vị Tỳ-khưu cũng không nên thuyết Pháp cho người đang ngồi trong xe khi bản thân đang đứng dưới đất. Nếu tất cả đều ở trong xe thì được phép. Nhưng nếu vị Tỳ-khưu đứng dưới đất, người nghe nên xuống xe và đứng cùng trên mặt đất.



Hơn nữa, cũng không nên thuyết Pháp cho người ngồi trong tư thế như hình minh họa - bó gối, tay vòng ra ôm chân, hoặc dùng khăn quấn quanh đầu gối để làm điểm tựa - trừ khi người ấy bị bệnh.

Vì vậy, việc nghe Pháp phải luôn thực hiện với chánh niệm và sự cung kính. Điều này giúp vị Tỳ-khưu không phạm lỗi và người nghe tiếp nhận giáo pháp với sự tôn kính xứng đáng.

Khi vị Tỳ-khưu thuyết Pháp, chỗ ngồi của vị ấy nên cao hơn hoặc ít nhất bằng với chỗ ngồi của người nghe. Không thích hợp để người ngồi chỗ thấp giảng cho người ngồi chỗ cao. Vì vậy, người nghe nên ngồi cùng mức hoặc thấp hơn vị Tỳ-khưu giảng Pháp. Tương tự, nếu vị Tỳ-khưu đang đứng, không thích hợp giảng cho người đang ngồi ghế hoặc ngồi dưới đất. Trong trường hợp ấy, hoặc người nghe nên đứng dậy, hoặc nên chuẩn bị chỗ ngồi thích hợp cho vị Tỳ-khưu, để duy trì sự tôn kính đối với Pháp.

Ngoài ra, không thích hợp để Tỳ-khưu giảng cho người đi phía trước trong khi vị ấy đi phía sau, hoặc giảng cho người đi trên đường trong khi vị ấy đi dưới lề đường. Người thuyết Pháp nên ở vị trí phía trước khi giảng Pháp. Cách sắp đặt này thể hiện lòng tôn kính với Pháp.

Trong tất cả trường hợp như vậy, cả người giảng và người nghe nên hành xử với chánh niệm và sự cung kính, để không phát sinh lỗi nào cho vị Tỳ-khuru.

Dù cư sĩ không bị ràng buộc bởi Luật tạng, việc không giữ gìn những tiêu chuẩn tôn kính Pháp này vẫn có thể trở thành nguyên nhân dẫn đến bất thiện nghiệp. Vì vậy, những cư sĩ tham gia thảo luận Pháp nên lưu ý các điều này.

15. Những điều cần biết về việc cúng dường (dāna)

Cúng dường không phải là việc đơn giản. Phần lớn mọi người chưa hiểu đầy đủ ý nghĩa của việc bố thí cúng dường (dāna). Bố thí cúng dường nghĩa là hành động cho đi và sự buông xả đều phải được hoàn tất. Nhiều người sau khi cúng dường lại suy nghĩ: “Không biết vật mình cúng giờ ai đang dùng? Có đem cho người khác không?”. Những ý nghĩ như vậy phát sinh vì sự cúng dường chưa được buông xả trọn vẹn. Nếu đã thật sự cho đi, thì không nên tiếp tục dò hỏi hay bận tâm về vật ấy nữa.

Có người còn nói: “Xin đừng cho ai khác, chỉ mình thầy dùng thôi”. Nói như vậy hàm ý sự chấp trước hoặc đặt điều kiện lên vật cúng dường, khiến người nhận - vị Tỳ-khuru - bị khó xử. Do đó, phước báu (Puñña) từ hành động bố thí trở nên không trọn vẹn.

Vì vậy, khi cúng dường, thí chủ nên cho đi với sự buông xả hoàn toàn. Đồng thời, nếu có thể, nên tìm hiểu nhu cầu thực sự của chư Tăng và cúng dường theo cách không gây bất tiện cho người thọ nhận.

15.1 Tám vật dụng thiết yếu được Đức Phật cho phép Tỳ-khuru thọ dụng (Aṭṭha-parikkhāra)

Bộ tám vật dụng (aṭṭha-parikkhāra) là tập hợp tám vật dụng thiết yếu đối với một vị Tỳ-khuru. Tám vật ấy gồm:

1. Y Tăng-già-lê (saṅghāṭi): Đại y (y hai lớp)
2. Y thượng (uttarāsaṅga): Y một lớp
3. Y Nội (antaravāsaka): Hạ y/nội y, tức y mặc bên trong
4. Bình bát (patta)
5. Dao nhỏ (khura)

6. Dây thắt lưng (kāya bandhana)
7. Kim và chỉ (sūci-sutta)
8. Bộ lọc nước (parissāvana)

Các chi tiết về y và bình bát đã được giải thích trước đó trong tài liệu này.

Một số người lầm tưởng rằng “dao” chỉ là lưỡi dao cạo dùng để cạo râu, tóc. Do đó, họ thay bằng dao cạo an toàn hoặc dao cạo điện là không thích hợp. “Dao” ở đây chỉ lưỡi dao dùng cho các việc như vót tăm, cắt trái cây hoặc dũa liệu cho các nhu cầu hợp luật (kappiya).

Dây lưng (kāya-bandhana) nên dài ít nhất năm khuỷu tay và rộng khoảng 5 cm. Đối với vị Tỳ-khưu có thân hình lớn, chiều dài nên tăng theo tương ứng.

Kim và chỉ phải còn sử dụng được. Trong nhiều bộ aṭṭha-parikkhāra bán sẵn, kim bị rỉ sét và không thể dùng. Chỉ phải là loại thích hợp để khâu vá y.

Bộ lọc nước phải phù hợp để lọc nước uống.

Cách tốt nhất là chuẩn bị riêng từng món trong tám vật dụng này với chất lượng tốt, rồi gộp lại và cúng dường thành bộ aṭṭha-parikkhāra hoàn chỉnh. Phần lớn các bộ aṭṭha-parikkhāra bán sẵn hiện nay có chất lượng thấp và có thể không phù hợp với tiêu chuẩn Luật tạng (Vinaya). Vì vậy, thí chủ nên kiểm tra cẩn thận để bảo đảm chúng thực sự đúng Giới luật. Làm như vậy sẽ tạo được phước báu lớn qua sự cúng dường đúng pháp.

16. Hình phạt do Đức Phật chế định cho hàng cư sĩ phi chánh hạnh

Để chế ngự những cư sĩ hành xử sai trái, thiếu chừng mực, Đức Phật đã thiết lập một hình thức xử phạt chính thức gọi là paṭisaṇāṇiyakamma hoặc pattanikkujjana-kamma. Lần đầu tiên hình thức kỷ luật này được áp dụng là đối với một cư sĩ tên là Vaḍḍha, con của dòng họ Licchavi, người đã vu cáo Trưởng lão Dabba Mallaputta.

Hình thức xử phạt này được áp dụng khi phạm một trong tám lỗi sau:

1. Cố ý gây tổn hại cho chư Tỳ-khưu
2. Mưu hại hoặc gây tổn thương đến chư Tỳ-khưu
3. Tìm cách khiến các tu viện/trú xứ trở nên không thể cư trú đối với chư Tỳ-khưu
4. Phỉ báng hoặc xúc phạm chư Tỳ-khưu
5. Gây chia rẽ, mất đoàn kết trong nội bộ Tăng đoàn
6. Nói xấu Đức Phật
7. Nói xấu Giáo Pháp
8. Nói xấu Tăng đoàn

Thuật ngữ *paṭisāraṇīyakamma* nghĩa đen là “lật úp bình bát”. Khi một người phạm bất kỳ lỗi nào nêu trên, Tăng đoàn sẽ hội họp và thực hiện một Tăng sự khiển trách chính thức. Sau nghi thức này, không một vị Tỳ-khưu nào được phép nhận bất kỳ sự cúng dường nào từ người ấy, dù chỉ một muống vật thực. Tuy nhiên, nếu sau đó người cư sĩ ăn năn, trở lại sống có chừng mực và xin lỗi Tăng đoàn, thì Tăng đoàn có thể họp lần nữa để bãi bỏ hình phạt. Chỉ khi ấy, các vị Tỳ-khưu mới được phép nhận cúng dường từ người đó trở lại.

Do vậy, đây là hình thức kỷ luật chính thức do Đức Phật chế định đối với những cư sĩ hành xử sai trái.

Dù ngày nay hiếm khi được áp dụng, một cư sĩ xúc phạm Tăng đoàn, ngăn cản việc khất thực, hoặc phỉ báng Phật, Pháp, Tăng, đều thuộc đối tượng của hình thức khiển trách này. Ngay cả khi Tăng đoàn không thực hiện tác pháp chính thức, người ấy vẫn tích lũy nghiệp bất thiện rất nặng.

Vì vậy, hàng cư sĩ có đức tin nên tránh các hành động bất thiện như vậy, tôn kính Tăng đoàn và sống hòa hợp. Phụng sự Tăng đoàn (*saṅghopasthāna*) với chánh niệm, đúng theo các nguyên tắc và lý do đã nêu, cùng tâm cung kính, sẽ mở ra con đường dẫn đến Niết-bàn (*Nibbāna*).

Nguyện cho tất cả chúng sinh đều quy y Tam Bảo.